

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Minh
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG
MẠI ĐÔNG Á**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Minh
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Minh

Mã SV: 1013401111

Lớp: QTL401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.
 - Đánh giá được ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2011 của Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương
Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công
TNHH Thương Mại Đông Á.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....
Học hàm, học vị:.....
Cơ quan công tác:.....
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012
Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
...
.....
...
.....
...

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

Lời mở đầu	01
CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	03
<u>1.1: Tổng quan về vốn bằng tiền.</u>	03
1.1.1: Khái niệm, nội dung vốn bằng tiền.	03
1.1.2: Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	04
1.1.3: Ý nghĩa nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	04
1.1.4: Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.....	04
<u>1.2: Nội dung tổ chức kế toán vốn bằng tiền</u>	06
1.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ	06
1.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ.....	06
1.2.1.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	08
1.2.1.3: Tài khoản sử dụng.....	08
1.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt.....	10
1.2.1.4.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam đồng.	10
1.2.1.4.2: Kế toán tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ	11
1.2.1.4.3: Kế toán tiền mặt tại quỹ là vàng,bạc,đá quý	13
1.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng.	13
1.2.2.1: Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng.....	14
1.2.2.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	15
1.2.2.3: Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.2.4: Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	17
1.2.2.4.1: Kế toán tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng.	17
1.2.2.4.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.	18
1.2.3: Kế toán tiền đang chuyển.....	19
1.2.3.1: Quy định về kế toán tiền đang chuyển.....	19
1.2.3.2: Chứng từ sử dụng.....	19

1.2.3.3: Tài khoản sử dụng	19
1.2.3.4: Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển	20
<u>1.3: Các hình thức ghi sổ kế toán</u>	21
1.3.1: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	21
1.3.2: Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.3.3: Hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	24
1.3.4: Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	26
1.3.5: Hình thức kế toán máy	27
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á	29
<u>2.1: Khái quát chung về công ty</u>	29
2.1.1: Lịch sử hình thành và phát triển công ty	29
2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	31
2.1.3: Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý công ty	31
2.1.4: Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	33
2.1.4.1: Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty	33
2.1.4.2: Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty	35
<u>2.2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mai Đông Á</u>	37
2.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty	37
2.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ tại công ty	37
2.2.1.2: Chứng từ kế toán sử dụng	37
2.2.1.3: Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	38
2.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt tại công ty	39
2.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	57
2.2.2.1: Quy định kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	57
2.2.2.2: Chứng từ kế toán sử dụng	57
2.2.2.3: Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	57
2.2.2.4: Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	58

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á	71
3.1 : Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á	71
3.1.1 : Đánh giá chung	71
3.1.1.1 : Những ưu điểm	72
3.1.1.2 : Những hạn chế	74
3.2 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á	75
3.2.1 : Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	75
3.2.2 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương mại Đông Á	76
KẾT LUẬN	96

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt với nhau để tạo được chỗ đứng trên thị trường. Trước tình hình đó thì hiệu quả kinh doanh là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp. Các nhà quản lý doanh nghiệp phải liên tục, thường xuyên quy định những công việc phải làm, làm như thế nào và làm bằng cách gì để đạt được hiệu quả cao nhất. Điều đó chỉ thực hiện được thông qua và dựa trên những thông tin do kế toán thu thập, xử lý và cung cấp. Chỉ có như vậy thì các nhà doanh nghiệp mới có đủ thông tin, cơ sở cần thiết để nhận thức đúng đắn, khách quan, kịp thời và có hệ thống các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có những lựa chọn, định hướng và những quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác những thông tin của kế toán không những cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp mà còn giúp cho những người ở bên ngoài doanh nghiệp như cổ đông, ngân hàng, khách hàng... có cơ sở nhận xét đánh giá một cách đầy đủ, chính xác về tình hình tài chính, phương thức hoạt động để có những lựa chọn các phương án đầu tư thích hợp và việc liên doanh hợp tác tìm bạn hàng.

Một trong những bộ phận quan trọng trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp là công tác hạch toán các loại vốn bằng tiền. Công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền cung cấp đầy đủ các thông tin cho doanh nghiệp, cho nhà quản lý về tình hình tài chính của doanh nghiệp để có những phương án hợp lý trong việc sử dụng vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, nợ phải trả giúp cho doanh nghiệp sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất. Trong thực tế chúng ta không chỉ sử dụng vốn mà điều quan trọng là phải bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn có hiệu quả.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán vốn bằng tiền, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại Đông Á em đã chọn đề tài ***"Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Đông Á"*** làm đề tài khoá luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận bài khoá luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Đông Á.

Chương 3: : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

Trong thời gian thực hiện bài khoá luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Giáo viên hướng dẫn - Thạc sỹ Trần Thanh Phương và cán bộ kế toán tại công ty. Tuy nhiên do trình độ bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong sự góp ý, chỉ bảo từ các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Hoàng thị Minh

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền.

1.1.1. Khái niệm, nội dung kế toán vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền nằm đầu tiên trong hệ thống tài khoản (nhóm tài khoản 11) do tính linh hoạt cao và khả năng thanh toán tức thời của nó. Vốn bằng tiền bao gồm bao gồm:

- Tiền mặt (TK111).
- Tiền gửi Ngân hàng (TK112).
- Tiền đang chuyển (TK113).

* Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- **Tiền Việt Nam:** Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng là phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Ngoại tệ:** Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng : đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), đồng tiền chung Châu Âu (EUR)..

- **Vàng bạc, kim khí quý, đá quý:** là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

* Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.4. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

+ Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

+ Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ (theo dõi ở TK 007). Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho. Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở các tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh

nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán vốn bằng tiền

1.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ

Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục ủy quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm tra quỹ đảm bảo tiền mặt tồn quỹ phải phù hợp với số dư trên sổ quỹ. Hàng ngày sau khi thu, chi tiền thủ quỹ phải ghi vào sổ quỹ cuối ngày, phải lập báo cáo quỹ, nộp cho kế toán.

Hàng ngày, sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán quỹ phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ. Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt.

Như vậy, tiền mặt tại quỹ là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ, kết của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại

doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Mỗi doanh nghiệp thường xuyên có một lượng tiền mặt nhất định nằm trong quỹ theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên của doanh nghiệp, số tiền còn lại phải gửi vào kho bạc, ngân hàng hay công ty tài chính.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Cuối ngày, căn cứ vào chứng từ thu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt

(thủ quỹ ghi), lập báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc gửi cho kế toán, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế đối chiếu với sổ kế toán nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.1.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

** Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND) (Mẫu số 08a - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý)

(Mẫu số 08b - TT)

- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 - TT)

** Sổ sách sử dụng*

- Sổ quỹ tiền mặt
- Các sổ kế toán tổng hợp (tuỳ theo hình thức kế toán)

Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

1.2.1.3: Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền

Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 111 như sau:

Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Bên Có :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai :

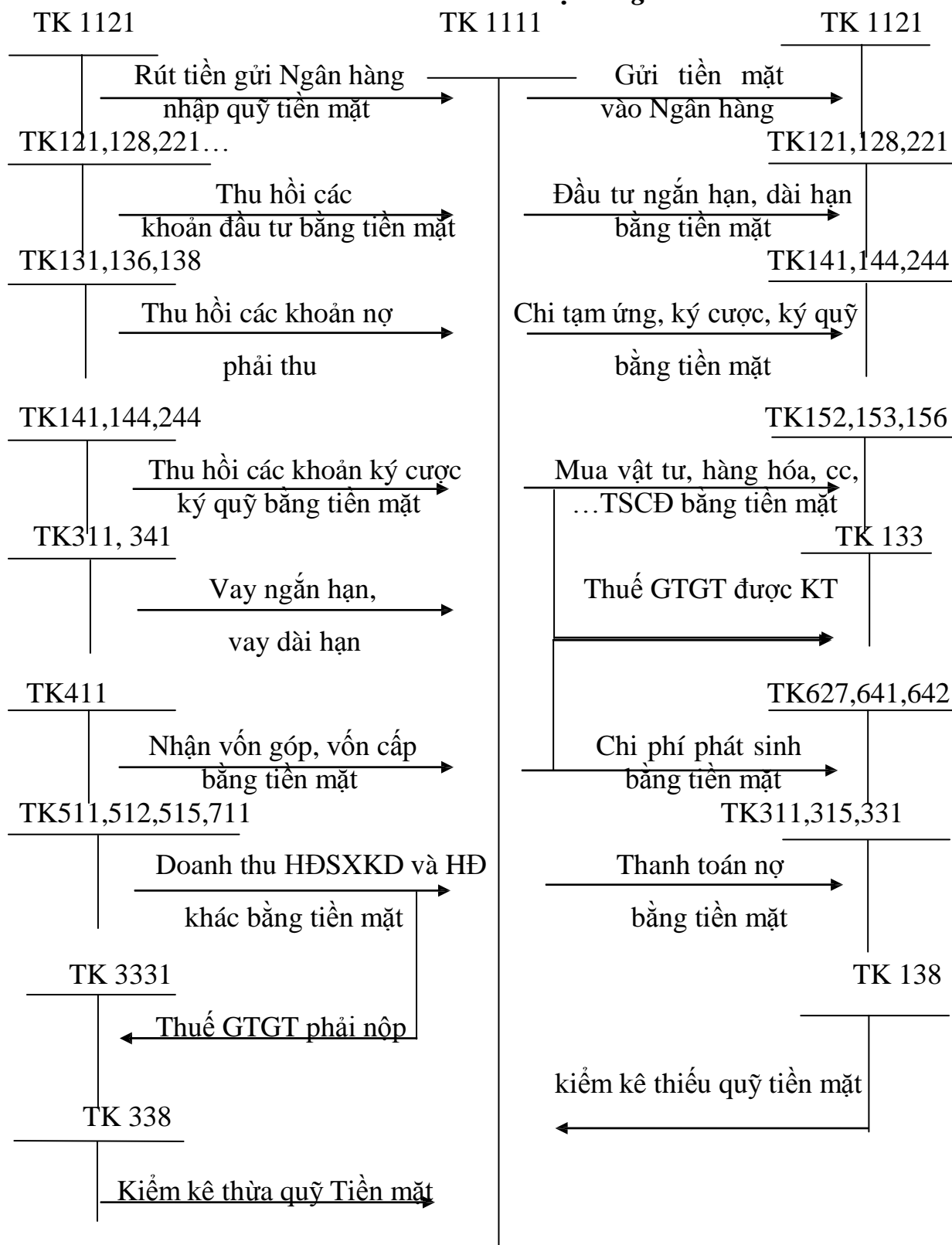
- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

1.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt

1.2.1.4.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam đồng.

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền VND



1.2.1.4.2: Kế toán tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả.

* Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại.

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi và còn lại theo nguyên tệ của từng loại ngoại tệ ở doanh nghiệp.

- Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

- Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

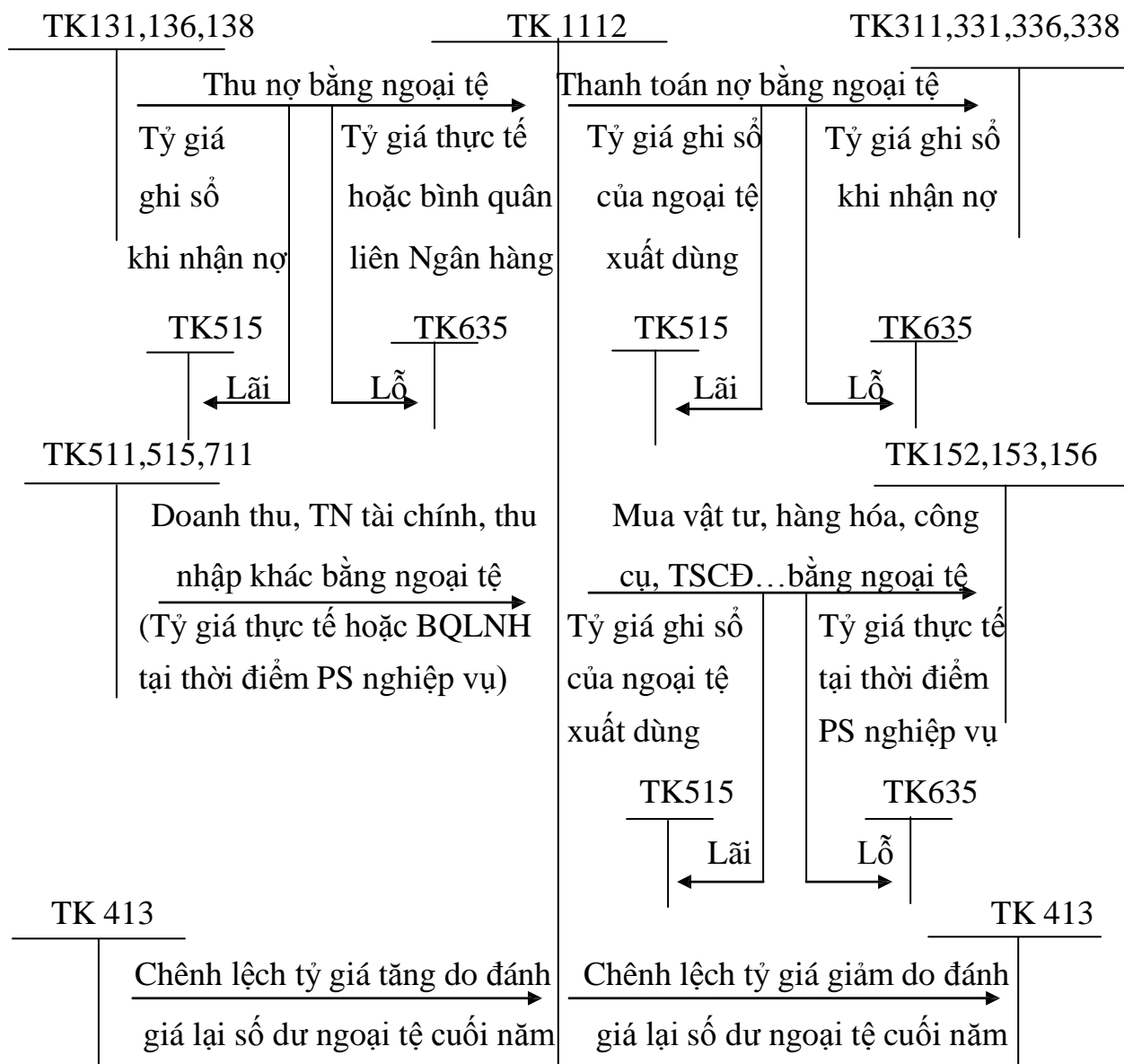
- Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

Trên tài khoản này không quy đổi các ngoại tệ ra đồng Việt Nam,

Kế toán chi tiết TK 007 theo từng loại ngoại tệ.

* Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

TK 007

Thu nợ bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính,	- Mua vật tư, hàng hóa, công
TN khác bằng ngoại tệ	cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

1.2.1.4.3: Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo

giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh.

1.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

Như vậy, tiền gửi ngân hàng là số vốn bằng tiền của doanh nghiệp gửi tại các ngân hàng, công ty tài chính hay các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.2.2.1: Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.2.2.2: Chứng từ, sổ sách sử dụng

** Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

** Sổ sách sử dụng*

- Sổ tiền gửi ngân hàng.
- Và các sổ sách khác có liên quan

1.2.2.3: Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

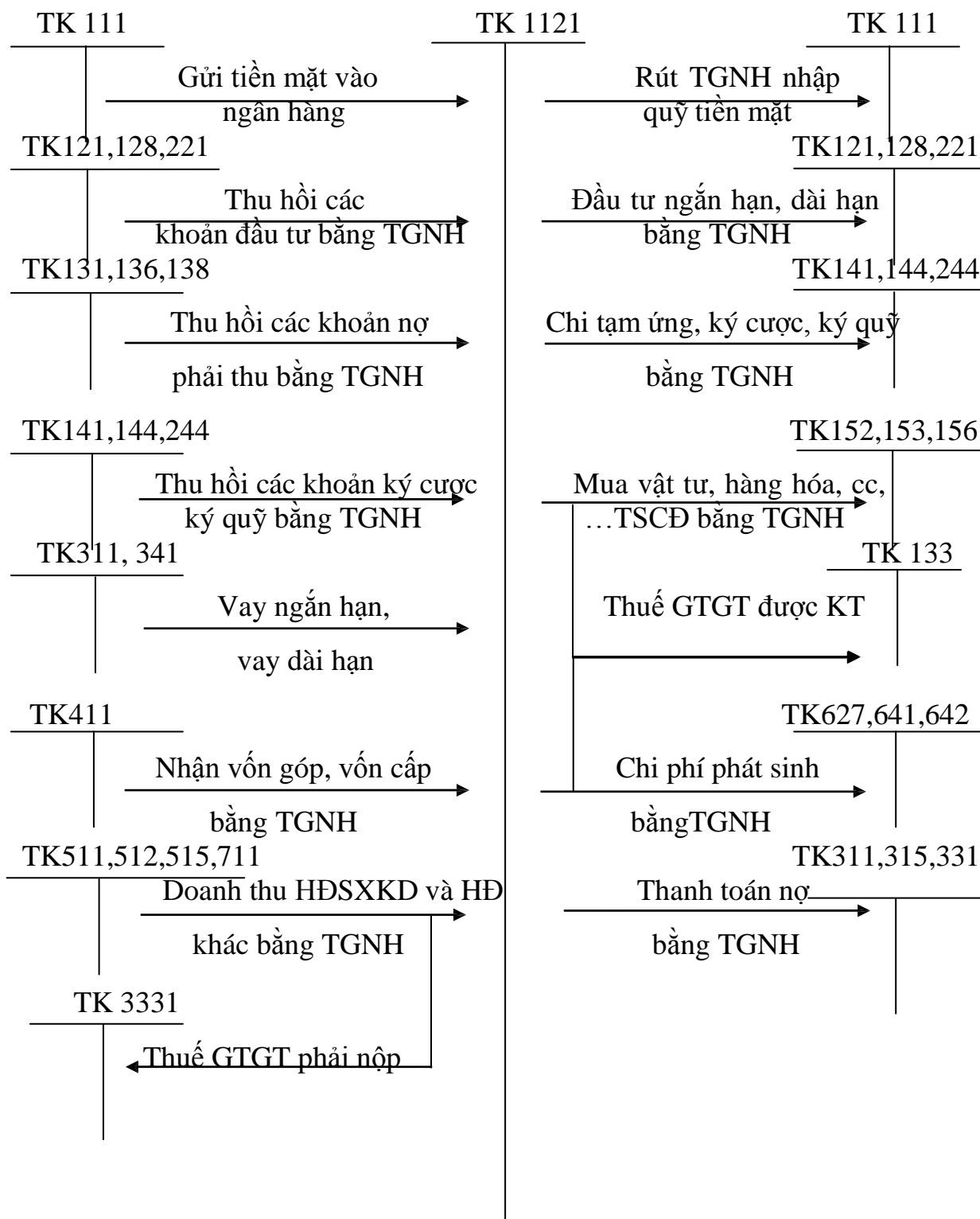
- TK 1121 - Tiền Việt Nam : Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.
- TK 1122 - Ngoại tệ : Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ đã quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý : Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

1.2.2.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng

1.2.2.4.1: Kế toán tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

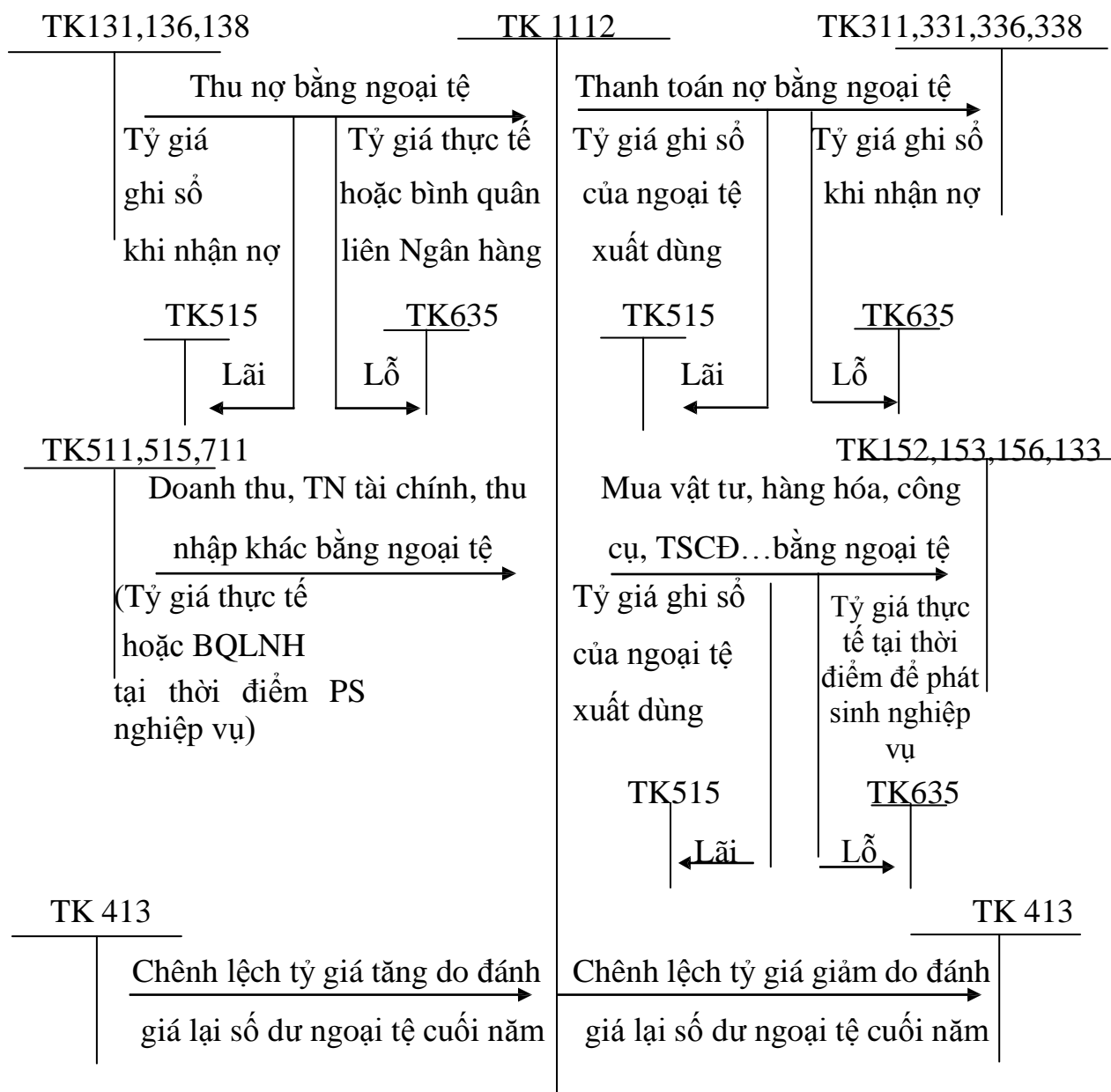
Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND



1.2.2.4.2: Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

TK007

<p style="text-align: center;">Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p style="text-align: center;">Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p style="text-align: center;">- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ bằng ngoại tệ</p>
---	---

1.2.3: Tiền đang chuyển

1.2.3.1: Quy định về kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.2.3.2: Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: Séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.3.3: Tài khoản sử dụng

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

- Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.
- Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

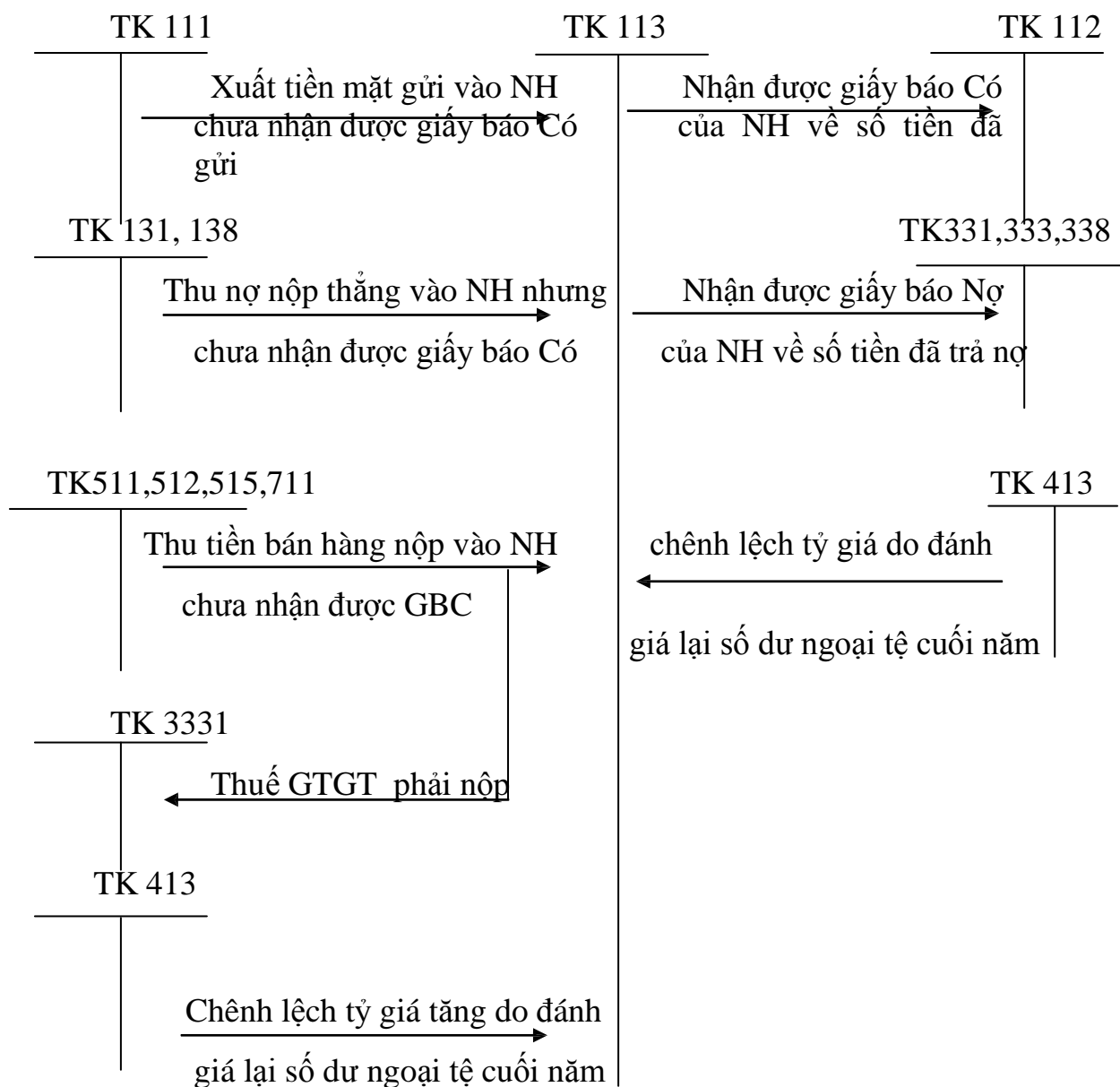
TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.2.3.4.: Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.3: Các hình thức ghi sổ kế toán

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký chung
- Nhật ký - sổ cái
- Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán máy.

1.3.1: Hình thức ghi sổ kế toán chứng từ ghi sổ

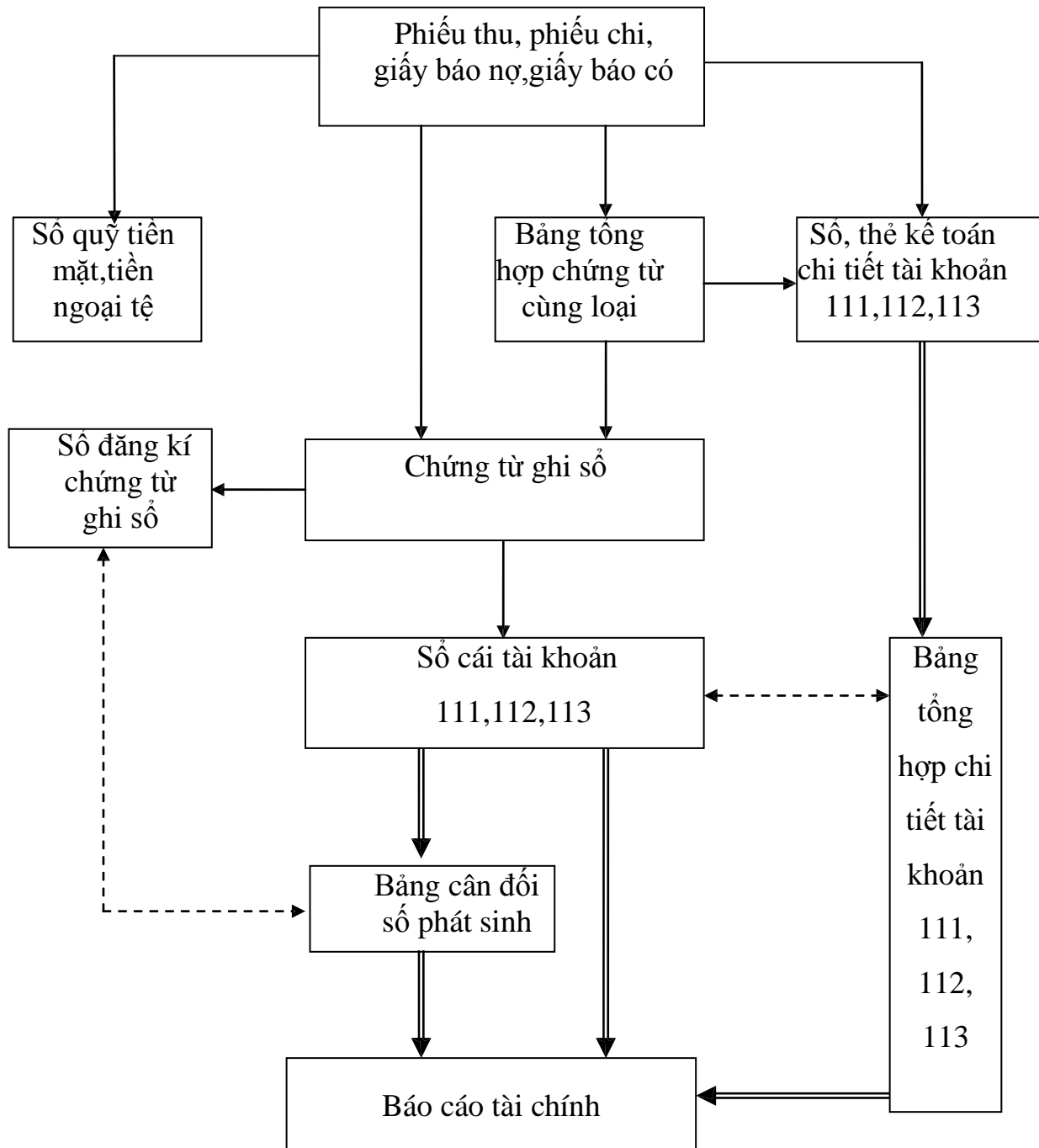
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để áp dụng kế toán máy

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

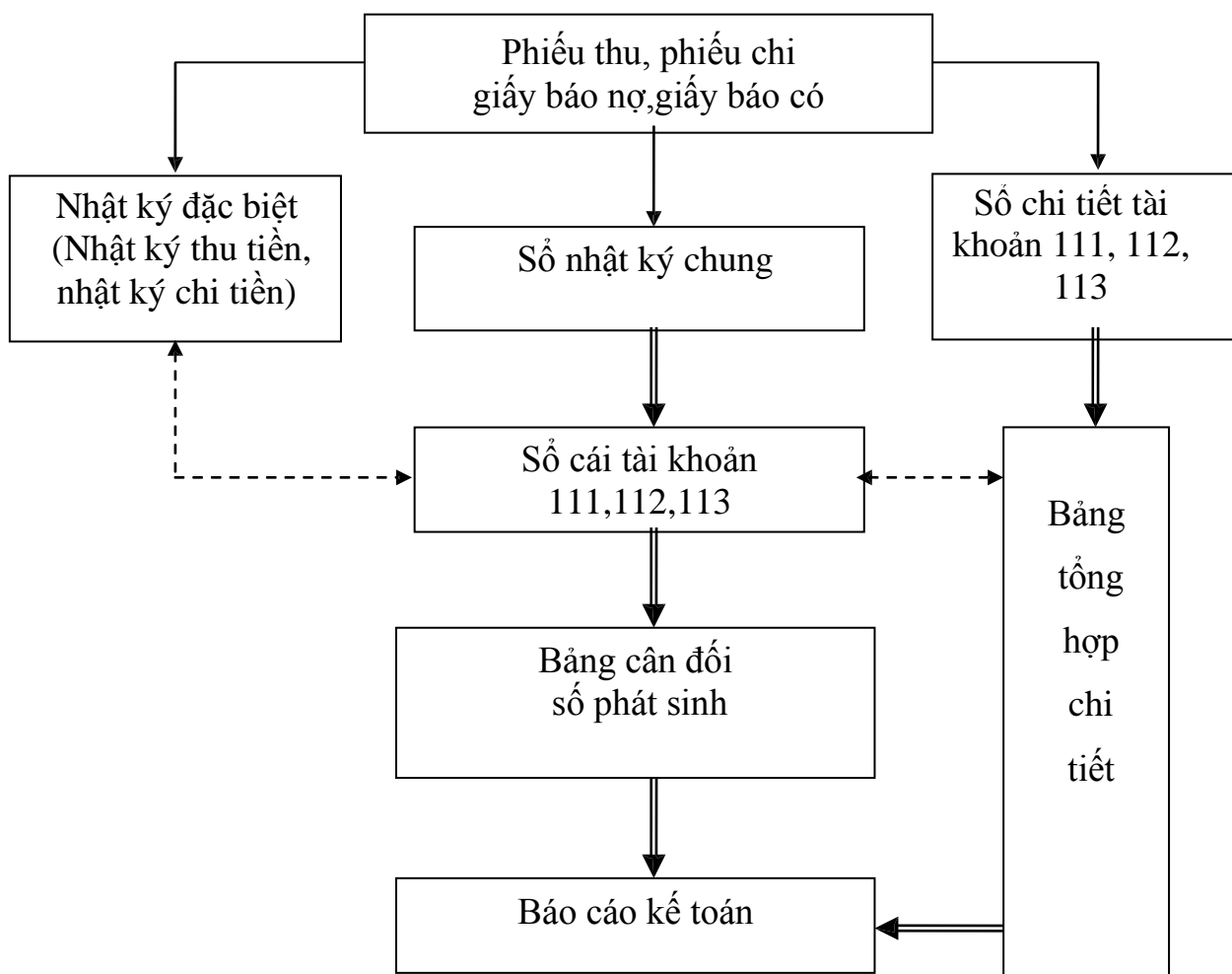


- > Ghi hàng ngày
- > Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

1.3.2: Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung để áp dụng kế toán máy



Ghi hàng ngày \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu $\dashleftarrow \dashrightarrow$

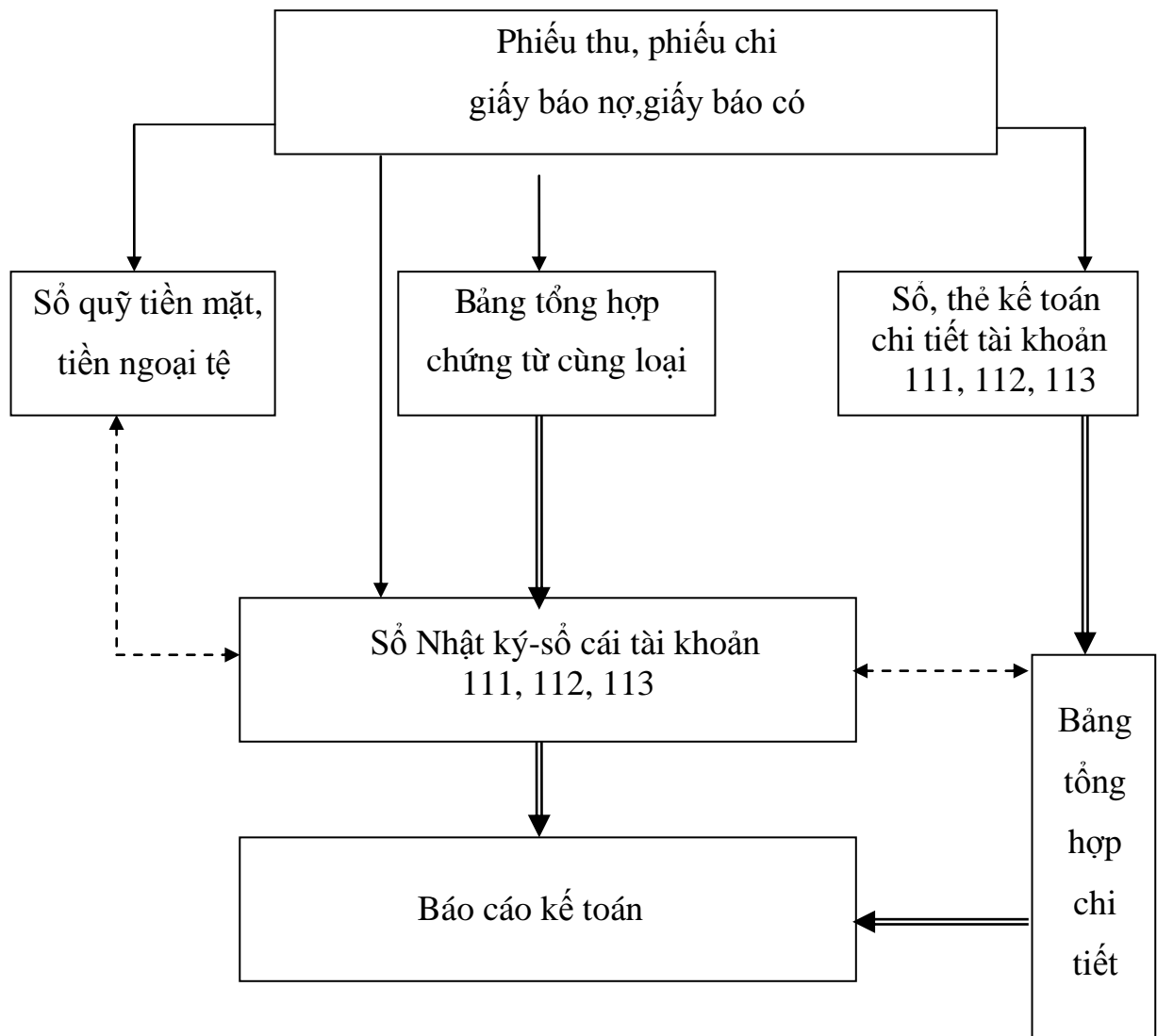
Ghi cuối tháng \Longrightarrow

1.3.3. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái thường áp dụng trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ (vốn dưới 1 tỷ) và sử dụng ít tài khoản kế toán, kế toán chủ yếu làm thủ công.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



- Ghi hàng ngày →
- Quan hệ đối chiếu ←→
- Ghi cuối tháng →

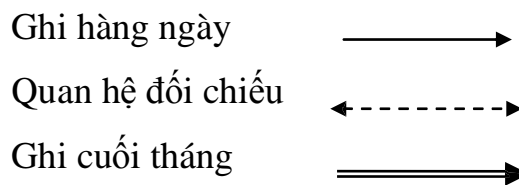
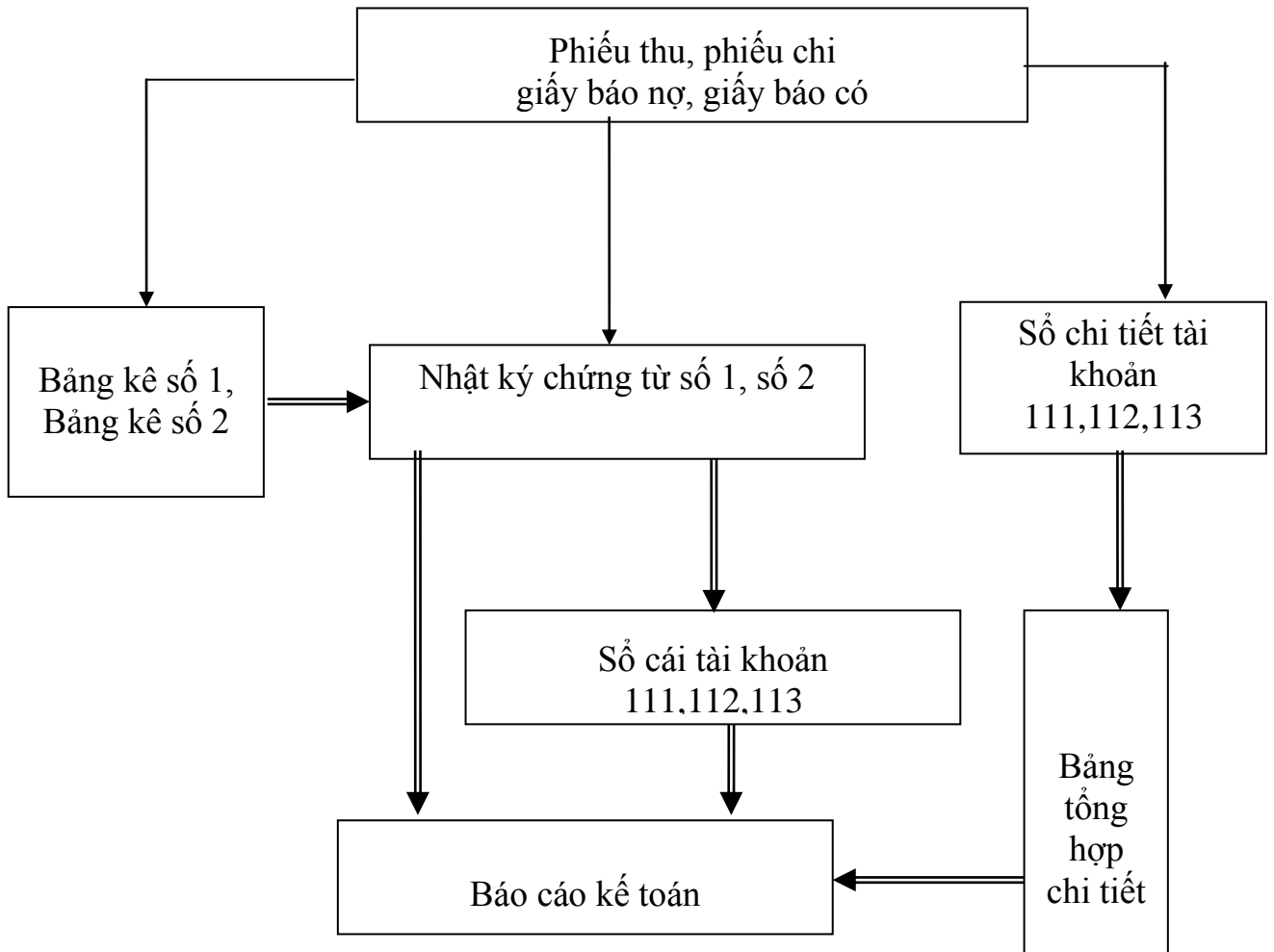
1.3.4: Hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

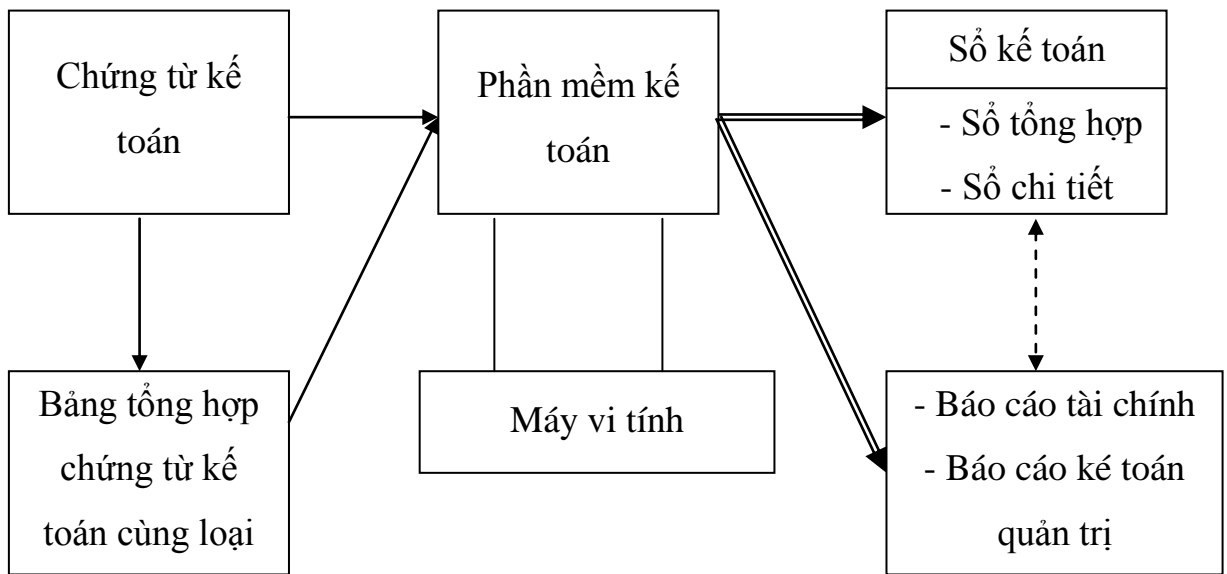
Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ có mẫu sổ rắc rối, cách thức ghi sổ phức tạp, khó để áp dụng kế toán máy.



1.3.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình Chương mềm trên máy vi tính. Chương mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Chương mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

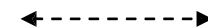
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



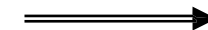
Nhập số liệu hàng ngày



Đối chiếu, kiểm



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

2.1: Khái quát chung về công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công Ty TNHH Thương Mại Đông Á

- Công ty TNHH thương mại Đông Á thành lập vào tháng 07 năm 2005.
- Tên tiếng anh : DONG A TRADING COMPANY LIMITED.
- Tên công ty viết tắt : DONG A TRADICO.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 51A- Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : : 0313.501268 / Fax : 0313.528859
- Mã số thuế : 0200639795 .
- Ngành nghề kinh doanh của công ty :
 - + Kinh doanh thiết bị , phụ tùng, thiết bị cơ điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, hàng kim khí, nhựa.
 - + Kinh doanh buôn bán ô tô các loại.....
- Vốn điều lệ : 4.800.000.000 (*bốn tỷ tám trăm triệu đồng*)
- Công ty TNHH Thương mại Đông Á là công ty TNHH, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Trải qua hơn 7 năm hình thành và lớn mạnh, công ty đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá về cả mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.
- Công ty TNHH Thương mại Đông Á được thành lập với mục tiêu sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, công ty hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, tôn trọng, thống nhất, nhằm mục đích tạo công ăn việc làm cho người lao

động, tăng lợi nhuận và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo luật định, phát triển công ty vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Ngay từ khi mới thành lập, công ty đã lựa chọn cho mình hướng đi mang tính chiến lược lâu dài. Công ty luôn xác định kinh doanh buôn bán ô tô các loại là lĩnh vực chính.

Với những nỗ lực không ngừng đưa công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của thành phố Hải Phòng. Lãnh đạo và toàn thể công ty luôn cố gắng nỗ lực trong quá trình hoạt động kinh doanh, hoàn thành được mục tiêu của doanh nghiệp.

**** Những thuận lợi và khó khăn của đơn vị.***

+ Thuận lợi:

Trong quá trình hội nhập hiện nay công ty có nhiều cơ hội để cạnh tranh và phát triển. Bên cạnh đó công ty đã nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của khách hàng nên ngày càng khẳng định được vị thế của mình và cố gắng phấn đấu vì mục tiêu cao nhất của công ty là lợi nhuận. Công ty có đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, làm việc có kỷ luật, nhiệt tình chu đáo, đáp ứng được nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt công ty sử dụng hình thức ghi sổ kế toán là nhật ký chung: đơn giản, dễ dàng, tạo điều kiện cho bộ phận kế toán ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

+ Khó khăn:

Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới bên cạnh những cơ hội thì luôn luôn tồn tại sự thách thức và cạnh tranh của các doanh nghiệp khác đòi hỏi công ty phải thay đổi thường xuyên phương thức bán hàng để phù hợp với từng thời kỳ. Đặc biệt trong vài năm gần đây, chịu sự ảnh hưởng của sự khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2: Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Lĩnh vực hoạt động Công ty TNHH Thương mại Đông Á là kinh doanh ô tô với đủ chủng loại, mẫu mã đa dạng chất lượng phong phú.

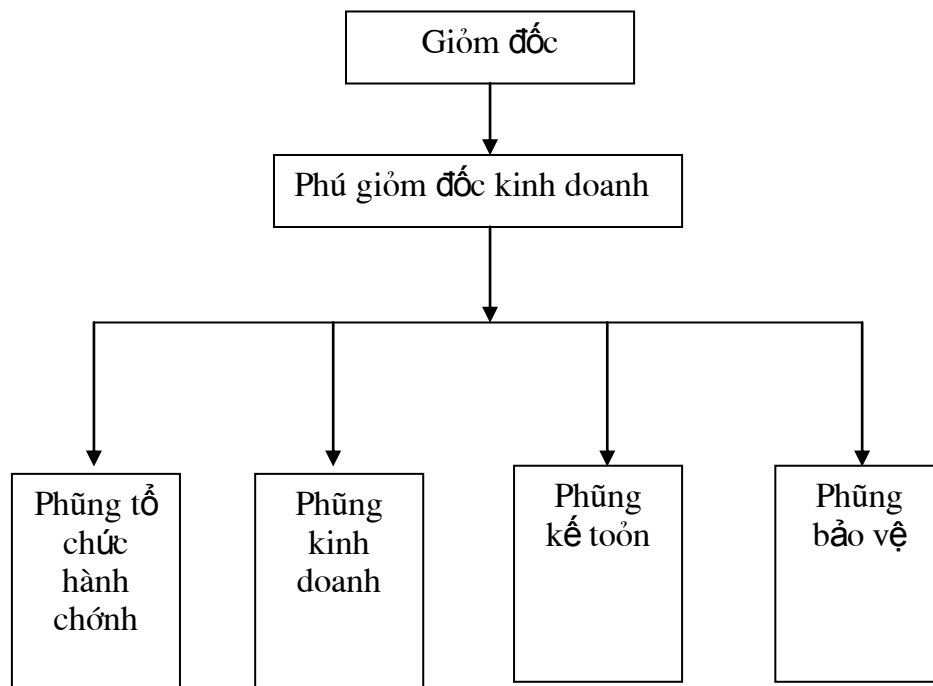
Các loại ô tô được công ty nhập khẩu chủ yếu từ thị trường các nước như Nhật Bản với khoảng 60%, thị trường Hàn Quốc với khoảng 30% trên tổng doanh số nhập khẩu. Ngoài ra công ty còn nhập ở thị trường khác như Mỹ, Đài Loan với khoảng 10%. Công ty thường xuyên ký kết các hợp đồng kinh doanh với các hợp đồng kinh doanh với các khách hàng truyền thống ở các tỉnh phía Bắc như: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh...

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có được chiến lược phát triển rõ ràng, mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ trong địa bàn thành phố mà còn mở rộng khắp trong cả nước.

2.1.3: Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

- Xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cũng như đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật, phát huy được vai trò của các cán bộ công nhân viên trong công ty.
- Công ty TNHH Thương mại Đông Á tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng.

Đông Á :



+ **Giám đốc**: Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động kinh doanh trong công ty. Giám đốc ngoài uỷ quyền cho phó giám đốc còn trực tiếp chỉ huy bộ máy của công ty thông qua các trưởng phòng ban.

+ **Phó giám đốc kinh doanh** : Giúp việc cho giám đốc, phụ trách phòng kinh doanh và có trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý nguồn hàng vào và ra của công ty.

+ **Phòng tổ chức hành chính** : tham mưu giúp việc cho giám đốc về tình hình tiền lương, sắp xếp công việc, chế độ khen thưởng... Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động một cách hợp lí. Đảm bảo cho mọi người trong công ty chấp hành nghiêm chỉnh quy chế và hợp đồng lao động.

+ **Phòng bảo vệ** : Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của công ty, thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy.

+ **Phòng kinh doanh** : Đảm nhiệm các hoạt động mua, bán hàng hóa. Có chức năng tham mưu, ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi các hoạt động

mua bán và các hoạt động khác phát sinh trong quá trình mua bán. Do đó phòng kinh doanh có quan hệ thông tin mật thiết với phòng kế toán về mặt :
Nhập - Xuất, Doanh thu, giá vốn, hàng tồn kho,...

+ **Phòng kế toán :**

Có vai trò tham mưu cho giám đốc tổ chức chỉ đạo công tác tài chính, cung cấp thông tin tài chính kịp thời để trên cơ sở đó lãnh đạo có thể điều chỉnh kế hoạch tài chính cho hợp lý.

Kế toán cùng với giám đốc tham gia thảo luận trong các vấn đề có tính chiến lược kinh tế, ký kết hợp đồng, cập nhật chế độ kế toán, tiến hành lập Báo cáo tài chính.

Qua thực tế nhận thấy, mặc dù cơ cấu bộ máy quản lý tương đối đơn giản nhưng hiệu quả làm việc tương đối cao, có khả năng đáp ứng được yêu cầu của công ty.

2.1.4: Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1: Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty

Công ty TNHH Thương mại Đông Á tổ chức bộ máy Kế toán theo hình thức tập trung, tạo điều kiện để kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự kiểm soát tập trung, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

- Tại phòng kế toán ngoài kế toán trưởng còn có 3 nhân viên với chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

+ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách phát sinh liên quan đến tài chính của Công ty.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

+ **Kế toán hàng tồn kho, TSCĐ, tiêu thụ :**

Chịu trách nhiệm quản lý, thống kê, theo dõi số lượng hàng hóa nhập xuất. Đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, kiểm kê theo dõi tình trạng của TSCĐ. Tính toán và phân bổ khấu hao TSCĐ và các khoản chi phí.

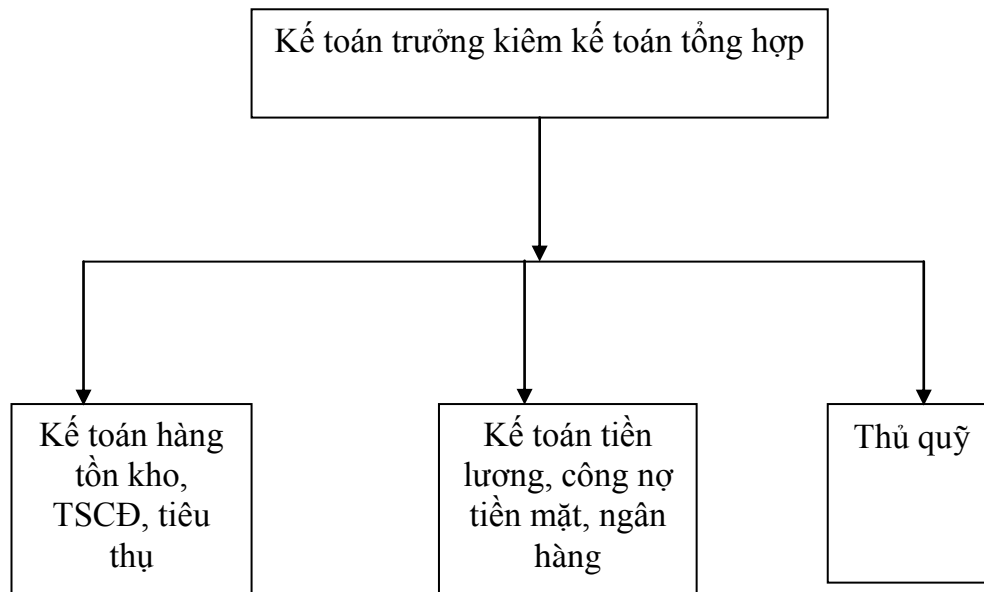
+ **Kế toán tiền lương, công nợ tiền mặt, ngân hàng :**

Thanh toán các khoản lương phụ cấp cho Cán bộ công nhân viên. Đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của công ty, thực hiện ghi chép và đối chiếu thu chi, tồn quỹ tiền mặt. Chịu trách nhiệm liên hệ với ngân hàng mà công ty có mở tài khoản, thực hiện các nghiệp vụ có liên quan đến ngân hàng.

+ **Thủ quỹ :** Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty khá chặt chẽ, mỗi nhân viên có chức năng và nhiệm vụ riêng, có quan hệ chặt chẽ để hoàn thành công việc chung của phòng.

Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



2.1.4.2: Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty

* Hình thức kế toán áp dụng : Hiện nay Công ty đang áp dụng kế toán hình thức nhật ký chung.

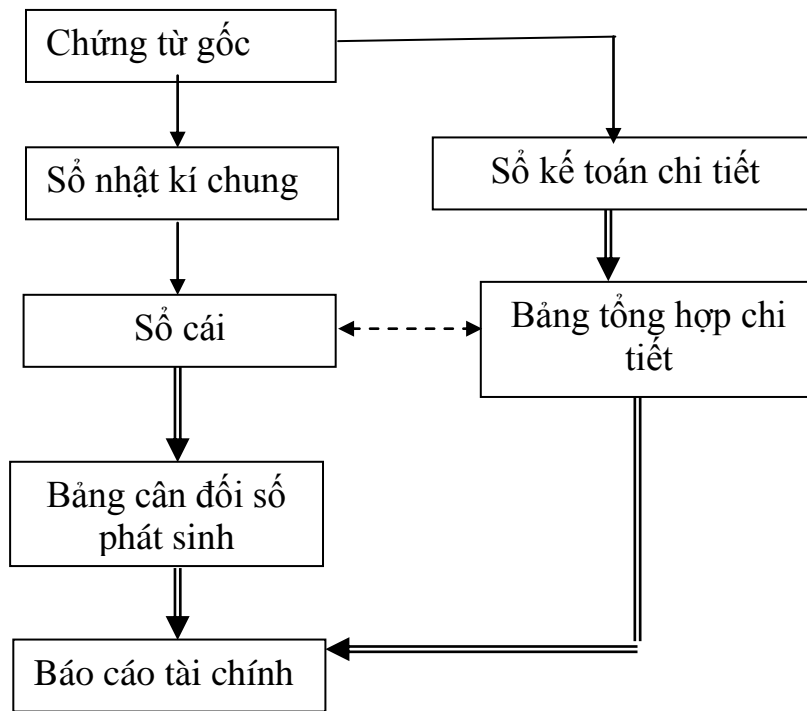
* Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán là đồng Việt Nam (VNĐ). Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

* Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi ra đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

* Bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại Đông Á tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

* Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn được theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

(1) Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Nhật kí chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật kí chung, các nghiệp vụ phát sinh được vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng

hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên Nhật kí chung cùng kỳ.

2.2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á

2.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty

2.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ tại công ty

Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại công ty. Thủ quỹ mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm.

2.2.1.2: Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ gốc liên quan
- Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và đánh số thứ tự, số phiếu thu, số phiếu chi được đánh liên tục nhằm tránh trường hợp gian lận và biến thủ công quỹ.

Phiếu thu được lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần):

* Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu

* Liên 2: Giao cho người nộp tiền (đối với phiếu thu) và người nhận tiền (đối với phiếu chi).

* Liên 3: Kế toán dùng để ghi sổ và lưu cùng với chứng từ gốc.

- Sau khi đã ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu, phiếu thu và phiếu chi kèm với các chứng từ gốc có liên quan được chuyển qua cho giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt. Sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ để tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ.

Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Đối với phiếu chi, sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải trực tiếp ghi rõ số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ tên vào phiếu chi.

Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc được chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán. Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu.

2.2.1.3: Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

* Tài khoản sử dụng

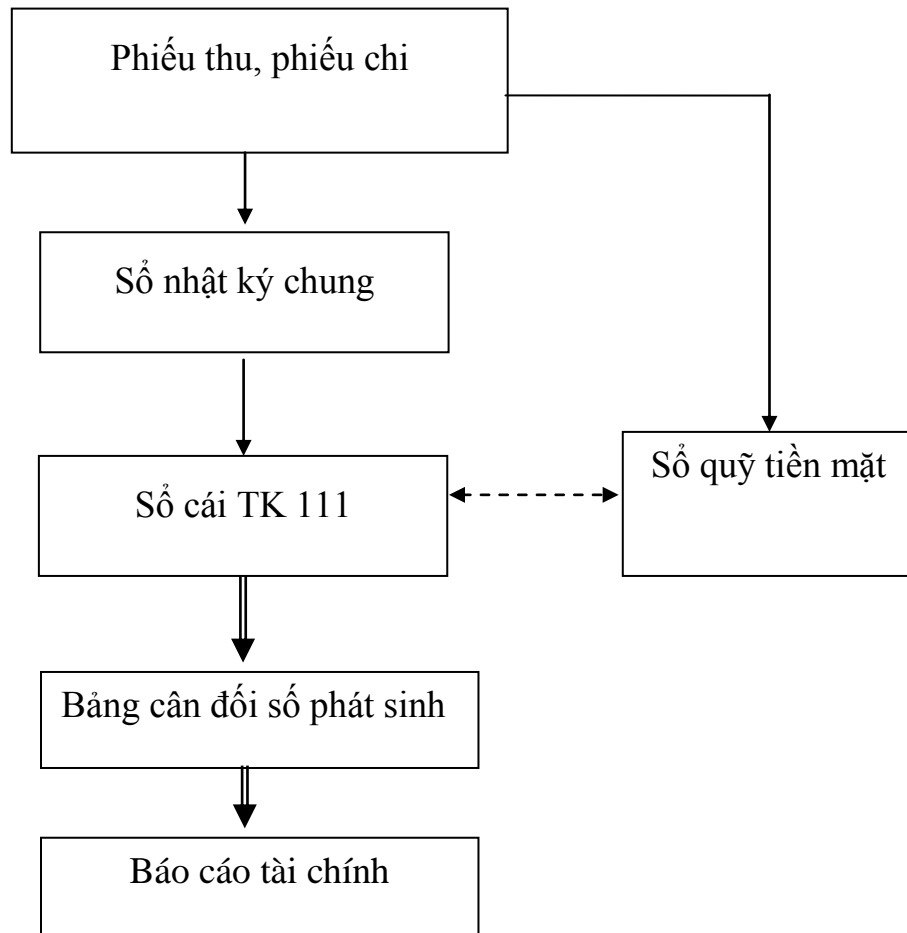
- TK 111 – Tiền mặt
- Các tài khoản khác liên quan.

* Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái TK 111
- Và các sổ Cái các TK khác có liên quan

2.2.1.4: Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 2.4: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối năm ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

- Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 111. Đồng thời từ các phiếu thu, phiếu chi kế toán vào Sổ quỹ tiền mặt.

- Cuối năm từ sổ cái tài khoản 111 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Một số nghiệp vụ làm tăng tiền mặt của công ty trong tháng 1 năm 2011

- Ngày 05/01/2011 : Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt. Tổng số tiền 214.000.000.

Hạch toán:

Nợ TK 111 : 214.000.000

Có TK 112 : 214.000.000

- Ngày 10/01/2011 : Thu tiền bán xe Kiamorning slx. Tổng số tiền : 221.000.000

Hạch toán :

Nợ TK 111: 221.000.000

Có TK 511 : 200.909.091

Có Tk 3331: 20.090.909

Ví dụ: Một số nghiệp vụ làm giảm tiền mặt của công ty trong tháng 1 năm 2011

- Ngày 07/01/2011 : Nộp phí D/O, phí vệ sinh, phí tắc nghẽn. Tổng số tiền là: 2.541.500.

Hạch toán :

Nợ TK 64228 : 2.541.500

Nợ TK 133: 254.150

Có TK 111 : 2.795.650

- Ngày 07/01/2011 : Nộp phí lưu bãi. Tổng số tiền : 2.123.600

Hạch toán :

Nợ TK 64228 : 1.930.545

Nợ TK 133: 193.055

Có TK 111 : 2.123.600

- Ngày 07/01/2011 : Nộp phí bốc dỡ. Tổng số tiền : 1.221.000

Hạch toán :

Nợ TK 64228 : 1.110.000

Nợ TK 133 : 111.000

Có TK 111 : 1.221.000

- Ngày 08/01/2011 : Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế TTĐB. Tổng số tiền : 299.479.925

Hạch toán :

Nợ TK 3333 : 129.052.256

Nợ TK 33312 : 41.532.794

Nợ TK 3332 : 128.894.875

Có TK 111 : 299.479.925



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 214.000.000.

Số tiền bằng chữ: [-] Hai trăm mười bốn triệu đồng chẵn.

Nội dung : Rút tiền.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :01

Nợ :111

Có : 112

Họ và tên người nộp tiền : Hoàng Quốc Hoàn

Địa chỉ:

Lí do nộp: rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt.

Số tiền : 214.000.000 (viết bằng chữ):Hai trăm mười bốn triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 01 năm 2011.

Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai trăm mười bốn triệu đồng chẵn.

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số : 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số: 0089409

Liên 3: Nội bộ

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Đông á Địa chỉ: 51A Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền - Hải Phòng Số TK: Điện thoại: MS: 0200639795					
Họ tên người mua hàng: Đặng Như Minh Tên đơn vị : Địa chỉ: 1/84 Phan Đình Phùng – Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng Số Tk: Hình thức thanh toán : TM MST:					
ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
	Xe ô tô con loại 5 chỗ hiệu Kia Morning Slx Nước sản xuất : Hàn quốc Năm sx 2008 Màu bạc, đã qua sử dụng SK KNABA24439T716906 SM GHH8522467	Chiếc	01		200.909.091
Cộng tiền hàng					200.909.091
Thuế suất GTGT : 10 %			Tiền thuế GTGT :		20.090.909
Tổng cộng tiền thanh toán :				221.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký,họ tên)		Người bán hàng (Ký,họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký,họ tên ,đóng dấu)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập , giao nhận hóa đơn)					

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :03

Nợ :111

Có : 511,3331

Họ và tên người nộp tiền : Đặng Như Minh

Địa chỉ: 1/84 Phan Đình Phùng – Hạ Lý – Hồng Bàng - Hải Phòng.

Lí do nộp: mua xe.

Số tiền : 221.000.000 (viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi một triệu đồng
chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 01 năm 2011.

Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai trăm hai mươi một triệu đồng chẵn.

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 2 : Giao khách hàng</i> Ngày 07 tháng 01 năm 2911</p>		<p>Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số : 0056163</p>			
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch vụ Tiên Phong Mã số thuế: 0200274174 Địa chỉ : Số 3 Lê Thánh Tông - Ngô Quyền – Hải Phòng. Điện thoại : Số tài khoản :</p>					
<p>Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Công ty TNHH Thương mại Đông Á Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền - Hải Phòng. Hình thức thanh toán: TM MS: 0200639795</p>					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phí D/O	BL	1	488.750	488.750
2	Vệ sinh Cont 40'	DV	1	97.750	97.750
3	Phí tắc nghẽn	CBM	1	1.955.000	1.955.000
Cộng tiền hàng					2.541.500
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT		254.150
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.795.650
Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký,họ tên)		Người bán hàng (Ký,họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký,họ tên ,đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :01

Nợ :64228,133

Có : 111

Họ và tên người nộp tiền : Công ty TNHH DV Tiên Phong

Địa chỉ : Số 3 Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng.

Lí do nộp: Trả tiền phí D/O, phí vệ sinh, tắc nghẽn.

Số tiền : 2.795.650 (viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm chín mươi
lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011.

Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng chẵn.

01GTKT3/001

XÍ NGHIỆP CẢNG VICONSHIP

Số 1 Ngô Quyền, Q. Hải An, Hải Phòng.

Tel: 031.3741116- Fax: 031.3741180

Mã số thuế: 0200453688-003

Ký hiệu: AA/11P
(Serial No.)

Số: 0032127
(Invoice No.)

GREEN PORT
HÓA ĐƠN GTGT
(VAT INVOICE)

Liên 2: Giao khách hàng

Khách hàng: Cty TNHH THUONG
MAI DONG A

Customer :

Mã số thuế : 0200639795

Customer's tax code

Địa chỉ: 51A LUONG KHANH THIEN-
NGO QUYEN-HAI PHONG

Address :

TIỀN TỆ : VND

Currency:

Tên hàng, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế VAT	
(Description)	Unit	(Quantity)	(Unit price)	Amount (Exclude VAT)	%	VAT amount
1	2	3	4	5=3*4	6	7
STORAGE – 40' LD Phí lưu bãi – 40' day	/DAY	55	35.100	1.930.545	10%	193.055
TỔNG CỘNG				1.930.545		193.055

Tỷ giá:

TỔNG SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN (BẰNG CHỮ): Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn.

Invoice Total (Amount in words):

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2011.

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)
CUSTOMER
(Signature and name)

NGƯỜI THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)
CASHIER
(Signature and name)

NGƯỜI VIẾT HÓA ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)
INVOICE WRITER
(Signature and name)

Phát hành theo CV số 718 CV/CT-AC ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Cục Thuế Hải Phòng

In tại công ty in Tài Chính

**Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng**

**Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)**

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :02

Nợ :64228,133

Có : 111

Họ và tên người nộp tiền :Cty cổ phần container Việt Nam

Địa chỉ: Số 1 Ngô Quyền, Hải An, Hải Phòng.

Lí do nộp: trả tiền lưu bãi

Số tiền : 2.123.600 (viết bằng chữ): Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền : Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng.

CN CÔNG TY CONTAINER VN
01GTKT3/001
XÍ NGHIỆP CẢNG VICONSHIP
 Số 1 Ngô Quyền, Q. Hải An, Hải Phòng.
 Tel: 031.3741116- Fax: 031.3741180
 Mã số thuế: 0200453688-003

Mẫu số:

Ký hiệu: AA/11P
 (Serial No.)

Số: 0032128
 (Invoice No.)

GREEN PORT
HÓA ĐƠN GTGT
(VAT INVOICE)

Liên 2: Giao khách hàng

Khách hàng: Cty TNHH THUONG
 MAI DONG A

Customer :
 Mã số thuế : 0200639795
 Customer's tax code

Địa chỉ: 51A LUONG KHANH THIEN-
 NGO QUYEN-HAI PHONG

Address :
 TIỀN TỆ : VND
 Currency:

Tên hàng, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế VAT	
(Description)	Unit	(Quantity)	(Unit price)	Amount (Exclude VAT)	%	VAT amount
1	2	3	4	5=3*4	6	7
UNSTUFF CY-40' Phí bốc xếp (rút hàng) tại CY-40'	BOX	1	740.000	740.000	10	74.000
PHỤ THU RR CONT 40' LD(>2XE/CONT)	BOX	1	370.000	370.000	10	37.000
TỔNG CỘNG				1.110.000		111.000

Tỷ giá:

TỔNG SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN (BẰNG CHỮ): Một triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn.

Invoice Total (Amount in words):

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2011.

KHÁCH HÀNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 CUSTOMER
 (Signature and name)

NGƯỜI THU TIỀN
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 CASHIER
 (Signature and name)

NGƯỜI VIẾT HÓA ĐƠN
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 INVOICE WRITER
 (Signature and name)

Phát hành theo CV số 718 CV/CT-AC ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Cục Thuế Hải Phòng

In tại công ty in Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :03

Nợ :64228,133

Có : 111

Họ và tên người nộp tiền : Cty cổ phần container Việt Nam.

Địa chỉ : Số 1 Ngô Quyền, Hải An, Hải Phòng.

Lí do nộp: trả tiền phí bốc xếp.

Số tiền : 1.221.000 (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản

(đánh dấu x vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1-02/NS

Theo TT số 128/208/TT-BTC

Ngày 24/12/2008 của BTC

Mã hiệu : HPH030/11

Số: 0048738

Người nộp thuế: Công ty TNHH thương mại Đông Á

Mã số thuế: 0200639795

Địa chỉ: Số 51A Đường Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Người nộp thay: Ha Thuy

Địa chỉ: Hải Phòng

Nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: KBNN Ngô Quyền - Hải Phòng

Tài khoản ghi thu NSNN số: 7410200003

Cơ quan quản lý thu: Chi cục hải quan CK HP KV3 Mã số:

Tờ khai Hải quan, QĐ số 6704 ngày 18/4/2011 loại hình XNK NKD01

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã ngành KT (K)	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
1	Thuế nhập khẩu (trừ thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền)	754	000	1901	01/2011	129.052.256
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu (trừ thuế GTGT hàng nhập qua biên giới đất liền)	754	000	1702	01/2011	41.532.794
3	Hàng nhập khẩu (Trừ thuế nhập khẩu hàng qua biên giới đất liền)	754	000	1751	01/2011	128.894.875
Tổng cộng						299.479.925

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi năm đồng.

PHẦN NGÂN HÀNG GHI

Mã ĐBHC: 304HH

Ngày NH: 08/01/2011

Mã KBNN: 31701002

Số CT NH: 11CT160010047880

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

NHTMCPTC TP Hải Phòng

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

Kế toán Kiểm soát viên

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :04

Nợ :3333, 33312,3332

Có : 111

Họ và tên người nộp tiền : Hà Thủy

Địa chỉ:

Lí do nộp: Nộp tiền thuế NK, thuế GTGT hàng NK, thuế TTĐB.

Số tiền : 299.479.925 (viết bằng chữ): Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng.

NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
				
05/01	PT 01/01	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	111	214.000.000	
			112		214.000.000
05/01	PT 02/01	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	111	294.000.000	
			112		294.000.000
				
07/01	PC 01/01	Nộp phí D/O, phí vệ sinh, phí tắc nghẽn	64228	2.541.500	
			133	254.150	
			111		2.795.650
07/01	PC 02/01	Nộp phí lưu bãi	64228	1.930.545	
			133	193.055	
			111		2.123.600
07/01	PC 03/01	Nộp phí bốc dỡ	64228	1.110.000	
			133	111.000	
			111		1.221.000
				
08/01	PC 04/01	Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế TTĐB	3333	129.052.256	
			33312	41.532.794.	
			3332	128.894.875	
			111		299.479.925
				
10/01	PT 03/01	Bán xe Kiamorning slx	632	198.775.551	
			156		198.775.551
			111	221.000.000	
			511		200.909.091
			3331		20.090.909
				
		Tổng số phát sinh		381.236.222.610	381.236.222.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CÁI TK 111

Tên tài khoản: tiền mặt

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Nt ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		1.408.444.816	
05/01	PT 01/01	05/01	Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ TM	112	214.000.000	
05/01	PT 02/01	05/01	Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ TM	112	294.000.000	
07/01	PC 01/01	07/01	Phí Do, phí vệ sinh, tắc nghẽn	64228		2.541.500
				133		254.150
07/01	PC 02/01	07/01	Nộp Phí lưu bãi	64228		1.930.545
				133		193.055
07/01	PC 03/01	07/01	Nộp phí bốc dỡ	64228		1.110.000
				133		111.000
08/01	PC 04/01	08/01	Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế TTĐB	3333		129.052.256
				33312		41.532.794.
				3332		128.894.875
					
10/01	PT 03/01	10/01	Bán xe Kiamorning Slx	511	200.909.091	
				3331	20.090.909	
					
			Tổng số phát sinh		36.072.120.000	35.355.816.410
			Dư cuối kì		2.124.748.406	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
 Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S05a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số
 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Nt ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	Thu	Chi			Thu	Chi	Tồn	
			Số dư đầu kì				1.408.444.816	
05/01	PT 01/01		Rút tiền gửi ngân hàng	112	214.000.000		1.649.444.816	
05/01	PT 02/01		Rút tiền gửi ngân hàng	112	294.000.000		1.943.444.816	
07/01		PC 01/01	Nộp phí D/O, phí vệ sinh, phí tắc nghẽn	64228		2.541.500	1.940.903.316	
				133		254.150	1.940.649.166	
07/01		PC 02/01	Phí lưu bãi	64228		1.930.545	1.938.718.621	
				133		193.055	1.938.525.566	
07/01		PC 03/01	Nộp phí bốc dỡ	64228		1.110.000	1.937.415.566	
				133		111.000	1.937.304.566	
08/01		PC 04/01	Nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế TTĐB	3333		129.052.256	1.808.252.310	
				33312		41.532.794.	1.766.719.516	
				3332		128.894.875	1.637.824.641	
							
10/01	PT 03/0		Bán xe Kiamornin	511	200.909.091		1.472.918.120	

	1		g slx	3331	20.090.909		1.493.009.02 9	
							
			Cộng số phát sinh		36.072.120.00 0	35.355.816.4 10		
			Số dư cuối kì				2.124.748.40 6	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2 : Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty**2.2.2.1: Quy định kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty**

Tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á, kế toán tiền gửi Ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu trên chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ gốc của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và kịp thời xử lý. Đến cuối tháng, nếu chưa phát hiện được nguyên nhân thì phân chênh lệch được ghi vào bên nợ của TK 1381 “ tài sản thiếu chờ xử lý “ hoặc bên có của TK 3381 “ tài sản thừa cần xử lý “.

Hiện công ty đang mở tài khoản tại ngân hàng VIB.

2.2.2.2: Chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng những chứng từ như: giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi.

2.2.2.3: Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

* Tài khoản sử dụng

- TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam).

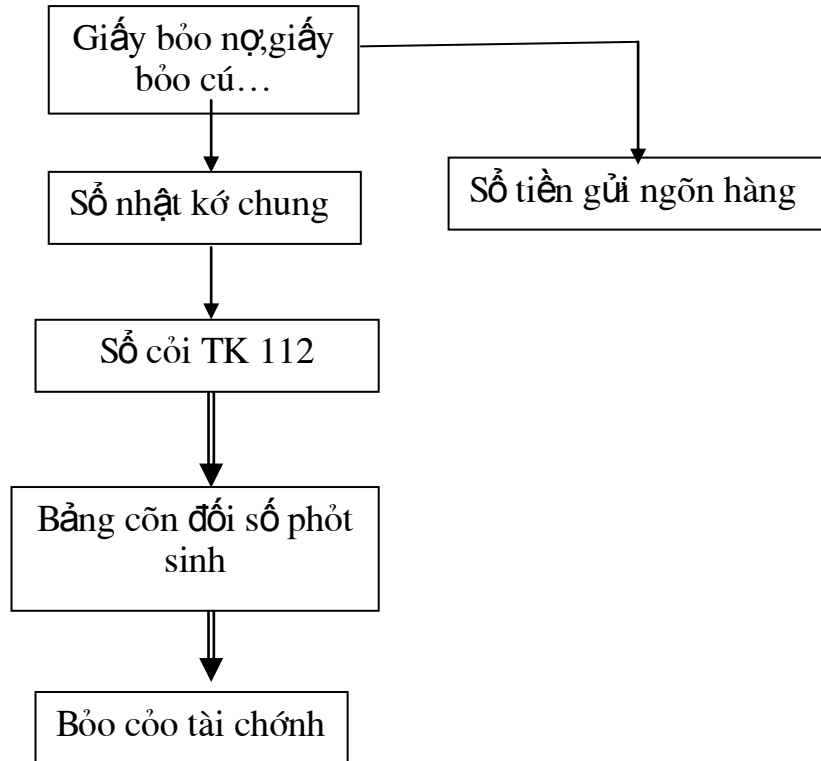
* Sổ sách sử dụng :

- Sổ tiền gửi ngân hàng, sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 112....

- Và các sổ Cái tài khoản khác có liên quan.

2.2.2.4 : Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 2.5 : QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối năm ==>
- Quan hệ đối chiếu ←----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo nợ, giấy báo có...kế toán vào sổ Nhật ký chung và sổ tiền gửi ngân hàng. Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 112. Cuối năm, căn cứ vào các sổ Cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Ví dụ một số nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng trong tháng 1 năm 2011.

- 05/01/2011 : Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát trả tiền. Tổng số tiền : 294.000.000.

Hạch toán :

Nợ TK 112 : 294.000.000

Có TK 131 : 294.000.000

- Ngày 08/01/2011 : Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào tài khoản. Tổng số tiền : 650.000.000

Hạch toán :

Nợ TK 112 : 650.000.000

Có TK 111 : 650.000.000

- Ngày 27/01/2011 : Thu ký quỹ phát hành bảo lãnh. Tổng số tiền : 88.050.000.

Hạch toán :

Nợ TK 112: 88.050.000

Có TK 144: 88.050.000

- Ngày 31/01/2011 : Lãi tiền gửi ngân hàng. Tổng số tiền : 111.804.

Hạch toán :

Nợ TK 112 : 111.804

Có TK 515 : 111.804

Ví dụ một số nghiệp vụ giảm tiền gửi ngân hàng trong tháng 1 năm 2011.

- Ngày 08/01/2011 : Nộp phí phát hành bảo lãnh. Tổng số tiền : 687.370.

Hạch toán :

Nợ TK 6352 : 687.370

Có TK 112 : 687.370

- Ngày 08/01/2011 : Nộp tiền nợ đến hạn. Tổng số tiền : 5.951.157

Hạch toán :

Nợ TK 311 : 5.951.157

Có TK 112 : 5.951.157

- Ngày 13/01/2011 : Kí quỹ phát hành bảo lãnh. Tổng số tiền : 69.000.000

Hạch toán :

Nợ TK 144 : 69.000.000

Có TK 112 : 69.000.000



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 294.000.000.

Số tiền bằng chữ: [+] Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng chẵn.

Nội dung : Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát trả tiền.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Quyển số: 01

Số :05

Nợ :112

Có : 111

Họ và tên người nộp tiền : Hoàng Quốc Hoàn

Địa chỉ

Lí do nộp: Gửi tiền vào ngân hàng.

Số tiền : 650.000.000 (viết bằng chữ): Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Giám đốc Kế toán trưởng Người nhận tiền Người lập phiếu Thủ quỹ
(kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên) (kí rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 650.000.000

Số tiền bằng chữ: [+] Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào tài khoản.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 27 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 88.050.000

Số tiền bằng chữ: [+] Tám mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung : Thu tiền kí quỹ phát hành bảo lãnh.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 111.084

Số tiền bằng chữ: [+] Một trăm mười một nghìn không trăm tám mươi tư đồng.

Nội dung : Lãi tiền gửi ngân hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 687.370

Số tiền bằng chữ: [-] Sáu trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi đồng.

Nội dung : Nộp phí phát hành bảo lãnh.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 5.951.157

Số tiền bằng chữ: [-] Năm triệu chín trăm năm mươi một nghìn một trăm năm bảy đồng.

Nội dung : Nộp tiền nợ đến hạn.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 13 tháng 01 năm 2011

Kính gửi : Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng.

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 0031001178331

Số tiền bằng số : 69.000.000

Số tiền bằng chữ: [-] Sáu mươi chín triệu đồng chẵn.

Nội dung : Ký quỹ phát hành bảo lãnh.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
 Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số
 48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệ u tk	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
				
05/01	GBC 01/01	Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát trả tiền	112	294.000.000	
			131		294.000.000
				
08/01	GBC 03/01	Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào TK	112	650.000.000	
			111		650.000.000
08/01	GBN 03/01	Nộp phí phát hành bảo lãnh	635 2	687.370	
			112		687.370
08/01	GBN 04/01	Nộp tiền nợ đến hạn	311	5.951.157	
			112		5.951.157
				
13/01	GBN 06/01	Kí quỹ phát hành bảo lãnh	144	69.000.000	
			112		69.000.000
				
27/01	GBC 11/01	Thu kí quỹ phát hành bảo lãnh	112	88.050.000	
			144		88.050.000
				
31/01	GBC	Lãi tiền gửi	112	111.804	
			515		111.804
				
		Tổng số phát sinh		381.236.222. 610	381.236.22 2.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
Đ/c: 51A Lương Khánh Thiện
Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 112

Tên tài khoản: tiền gửi ngân hàng
Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Nt ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Nợ	Có
	SH	NT				
			Số dư đầu kì		2.024.786	
05/01	GBC 01/01	05/01	Cty TNHH Dững Thịnh Phát trả tiền	131	294.000.000	
					
08/01	GBC 03/01	08/01	Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào TK	111	650.000.000	
08/01	GBN 03/01	08/01	Nộp phí phát hành bảo lãnh	6352		687.370
08/01	GBN 04/01	08/01	Nộp tiền nợ đến hạn	311		5.951.157
					
13/01	GBN 06/01	13/01	Kí quỹ phát hành bảo lãnh	144		69.000.000
					
27/01	GBC 11/01	27/01	Thu ký quỹ phát hành bảo lãnh	144	88.050.000	
					
31/01	GBC 13/01	31/01	Lãi tiền gửi	515	111.804	
					
			Tổng số phát sinh		3.291.261.804	3.084.270.731
			Dư cuối kì		209.015.859	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2011

Ngân hàng VIB

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
SH	NT			Thu	Chi	Tồn
		Số dư đầu kì				2.024.786
GBC 01/01	05/01	Cty TNHH Dũng Thịnh Phát trả tiền	131	294.000.000		296.024.786
					
GBC 03/01	08/01	Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào TK	111	650.000.000		652.024.786
GBN 03/01	08/01	Nộp phí phát hành bảo lãnh	6352		687.370	651.337.416
GBN 04/01	08/01	Nộp tiền nợ đến hạn	311		5.951.157	645.386.259
					
GBN 06/01	13/01	Kí quỹ phát hành bảo lãnh	144		69.000.000	645.559.901
		...				
GBC 11/01	27/01	Thu ký quỹ phát hành bảo lãnh	144	88.050.000		39.378.555
		...				
GBC 13/01	31/01	Lãi tiền gửi	515	111.804		209.045.859
					
		Cộng số phát sinh		3.291.261.804	3.084.270.731	
		Dư cuối kì				209.015.859

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ
CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

**3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH
Thương Mại Đông Á.**

3.1.1 : Đánh giá chung.

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của công ty ngày được nâng cao,

hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và hạn chế sau :

3.1.1.1: Những ưu điểm.

❖ Bộ máy kế toán của công ty.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung là phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý công ty. Ưu điểm của mô hình kế toán tập trung là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán giúp công ty kiểm tra, chỉ đạo hoạt động kinh doanh kịp thời, tạo điều kiện cho việc ứng dụng các phương tiện tính toán hiện đại có hiệu quả.

Thông tin mà bộ phận kế toán cung cấp kịp thời giúp cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, chính xác hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn giúp cho công tác kế toán được thực hiện tốt hơn, chính xác hơn.

❖ Hình thức kế toán

Hiện nay công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang áp dụng hình thức kế toán ghi sổ “ Nhật ký chung “. Đây là hình thức kế toán áp dụng khá phổ biến hiện nay. Ưu điểm của hình thức này là dễ hiểu, dễ làm.

❖ Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán.

• Chứng từ kế toán.

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng: nhìn chung phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của Công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- Tài khoản kế toán.

Hệ thống tài khoản để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân theo quy định và được ghi chi tiết, đối đa cho từng loại tiền, cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền từ đó đưa ra quyết định chính xác và hợp lý.

- Sổ sách kế toán.

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- ❖ Tổ chức kế toán vốn bằng tiền.

Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ tình hình biến động tăng giảm vốn bằng tiền lên hệ thống sổ sách của Công ty.

- Về kế toán tiền mặt tại quỹ.

Công ty thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành về nguyên tắc quản lý tiền mặt. Mọi khoản thu, chi, bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ thực hiện. Tất cả các khoản thu, chi đều có chứng từ hợp lệ và chữ ký của kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị. Thủ quỹ và kế toán tiền mặt độc lập với nhau, chi thực hiện đối chiếu kết quả.

- Về kế toán tiền gửi ngân hàng.

Kế toán liên hệ chặt chẽ và có mối quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với ngân hàng.

- Kế toán vốn bằng tiền được theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ của kế toán trưởng.

3.1.1.2: Những hạn chế.

❖ Về sổ sách sử dụng.

Công ty chưa mở Sổ nhật kí thu tiền và nhật kí chi tiền, gây khó khăn cho việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

❖ Về tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng TK 64228 để hạch toán chi phí thu mua đối với hàng nhập khẩu như : phí lưu bãi, phí bốc dỡ, phí D/O...là sai quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Công ty sử dụng TK 6352 để hạch toán phí phát hành bảo lãnh là sai quy định của chế độ kế toán hiện hành.

❖ Về việc thanh toán lương.

Công ty trả lương cho nhân viên một lần vào cuối tháng và trả lương bằng tiền mặt. Khi tiến hành thanh toán lương vào cuối tháng cần dùng một lượng tiền lớn để chi trả. Cuối tháng cũng là lúc trả nợ, trả lãi vay, thanh toán tiền hàng.. Do vậy ảnh hưởng rất nhiều đến dòng tiền của doanh nghiệp. Và khi thanh toán tiền lương bằng tiền mặt sẽ gây nhiều khó khăn cho thủ quỹ cũng như những nhân viên trong quá trình nhận lương. Thủ quỹ phải làm việc vất vả để kiểm đếm, chi trả tiền lương cho tất cả các nhân viên trong công ty, công việc thì nhiều mà dồn vào một ngày nên rất dễ xảy ra sai sót. Nhân viên đến ngày nhận lương thì phải đến tận phòng tài vụ để ký nhận, đôi khi sẽ gặp những trường hợp quá đông người cùng đến nhận lương nên phải chờ đợi mất thời gian.

❖ Công ty không kiểm kê quỹ thường xuyên.

Việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế sai sót, nhầm lẫn và gian lận trong quản lý quỹ tiền. Tuy nhiên công ty chưa thường xuyên kiểm kê quỹ để xác định số tiền tồn quỹ thực tế, số thừa thiếu thực tế so với sổ kế toán.

❖ Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán.

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn.

Cụ thể là :

Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn kém nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ; công tác kế toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả...

3.2: Một số giả pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

3.2.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện.

Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền là một việc làm cần thiết vì hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kì đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh kỳ tới.

Căn cứ vào vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền đồng

thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.

3.2.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại Đông Á.

❖ Về việc hoàn thiện sổ sách sử dụng.

Công ty nên lập thêm Sổ Nhật ký thu tiền và Sổ Nhật ký chi tiền. Điều này sẽ giúp việc quản lý tiền được chặt chẽ, chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu lượng tiền thu, chi trong bất cứ thời điểm nào. Ngoài ra còn hỗ trợ việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Mẫu Nhật kí thu tiền, chi tiền.

Đơn vị :
Bộ phận:

Mẫu số S03a1-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:...

N T G S	Chứng từ		Diễn giải	Gh i Nợ TK	Ghi Có các tài khoản					
	S H	N T			...				TK khác	
					Số tiền	SH				
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

Sổ này có ...trang từ trang số 01 đến trang...:

Ngày mở sổ:

Người mở sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị :
Bộ phận:

Mẫu số S03a2-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIẾT

Năm:...

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK	Ghi Nợ các tài khoản					
	SH	NT			TK khác	
									Số tiền	SH
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

Sổ này có ...trang từ trang số 01 đến trang....:

Ngày mở sổ:

Người mở sổ

(ký,ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký,ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03a1-DNN
 (ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
 ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN MẶT

Loại tiền: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các tài khoản				
	SH	NT			112	511	3331	TK khác	
								Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang					
05/01	PT01/01	05/01	Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ TM	214.000.000	214.000.000				
05/01	PT02/01	05/01	Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ TM	294.000.000	294.000.000				
10/01	PT03/01	10/01	Thu tiền bán xe Kiamorning S1x	221.000.000		200.909.091	20.090.909		
		
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có...trang,đánh số từ tang 01 đến trang....:

Ngày mở sổ:.....

Người mở sổ

(ký,ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký,ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03a2-DNN
 (ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
 ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN MẶT

Loại tiền: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các tài khoản						
	SH	NT			64228	133	3333	33312	3332	TK khác	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	E
			Số trang trước chuyển sang								
07/01	PC01/01	07/01	Nộp phí D/O,phí tắc nghẽn,phí vệ sinh	2.795.650	2.541.500	254.150			
07/01	PC02/01	07/01	Phí lưu bãi	2.123.600	1.930.545	193.055					
07/01	PC03/01	07/01	Phí bốc dỡ	1.221.000	1.110.000	111.000					
08/01	PC04/01	0 8/01	Nộp thuế Nhập khẩu,thuế GTGT hàng nhập khẩu,thuế	299.479.925			129.052.256	41.532.794	128.894.875		

			TTĐB								
		
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....:

Ngày mở sổ:.....

Người mở sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03a1-DNN
 (ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
 ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngân hàng VIB

Loại tiền : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112	Ghi Có các tài khoản					
	SH	NT			131	111	144	515	TK khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang	2.024.786						
05/01	GBC 01/01	05/01	Cty TNHH Dững Thịnh Phát trả tiền	294.000.000	294.000.000					
									
08/01	GBC 03/01	08/01	Hoàng Quốc Hoàn nộp tiền vào tài khoản	650.000.000		650.000.000				
									
27/01	GBC 11/01	127/01	Thu ký quỹ phát hành bảo lãnh	88.050.000			88.050.000			
									
31/01	GBC	31/01	Lãi tiền gửi	111.804				111.804		

	13/01									
		
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....:

Ngày mở sổ:.....

Người mở sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
 Địa chỉ : 51A Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số: S03a2-DNN
 (ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC
 ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngân hàng VIB

Loại tiền : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112	Ghi Nợ các tài khoản				
	SH	NT			6352	311	144	TK khác	
								Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
								
08/01	GBN 03/01	08/01	Nộp phí phát hành bảo lãnh	687.370	687.370				
08/01	GBN 04/01	08/01	Nộp tiền nợ đến hạn	5.951.157		5.951.157			
								
13/01	GBN 06/01	13/01	Thu ký quỹ phát hành bảo lãnh	88.050.000			88.050.000		
		
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có...trang,đánh số từ tang 01 đến trang....:

Ngày mở sổ:.....

Người mở sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

❖ Về việc hoàn thiện tài khoản sử dụng.

Công ty nên sử dụng TK 1562 để hạch toán chi phí thu mua đối với hàng nhập khẩu như : phí bốc dỡ, phí lưu bãi, phí D/O thay vì sử dụng TK 64228. Sử dụng TK 64225 để hạch toán phí phát hành bảo lãnh thay vì sử dụng TK 6352.

❖ Về việc thanh toán lương.

Hình thức thanh toán qua thẻ đã và đang trở nên rất phổ biến trên thế giới. Ở các nước tiên tiến, phần lớn các giao dịch mua bán đều được thanh toán bằng thẻ, giao dịch sử dụng tiền mặt là rất ít. Tại Việt Nam, trong vài năm trở lại đây, việc sử dụng thẻ ATM (automated teller machine) ngày càng trở nên phổ biến và là một xu thế tất yếu trong công cuộc hội nhập nền kinh tế quốc tế. Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (hay hình thức thanh toán qua thẻ) ra đời khắc phục được những hạn chế của việc thanh toán bằng tiền mặt. Đối với công nhân viên là sẽ thuận tiện hơn trong việc lĩnh lương, tránh gặp những rủi ro khi nhận tiền (ví dụ như tiền rách, tiền giả, ...), và quan trọng hơn là giảm bớt công việc cho thủ quỹ vào ngày thanh toán lương.

Công ty nên trả lương cho cán bộ công nhân viên làm 2 đợt. Giữa tháng và cuối tháng. Vì:

Giảm bớt được khoản chi vào cuối tháng với khối lượng lớn, tránh gây ảnh hưởng đến lượng tiền tồn quỹ cuối mỗi tháng, cùng một lúc đảm bảo dòng tiền ra vào nhịp nhàng.

❖ Về việc quản lý quỹ tiền mặt.

Công ty cần phải tiến hành kiểm kê quỹ thường xuyên, định kỳ vào cuối tháng vì thời gian kiểm kê vào cuối mỗi năm là khá dài. Khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê cần theo từng loại tiền trong quỹ. Kiểm kê quỹ có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn. Xác định số tiền mặt tồn quỹ sẽ có biện pháp thu hồi nợ hoặc thanh toán bớt tiền hàng.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ trong đó thủ quỹ và kế toán là các thành viên, bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm

kiểm kê (giờ... ngày... tháng... năm...). Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ tất cả phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê quỹ. Khi tiến hành kiểm kê phải kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ. Khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân thừa thiếu và báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét, giải quyết.

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ theo chế độ kế toán hiện hành:

Đơn vị :
 Bộ phận:

Mẫu số 08a/TT
 (Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-
 BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số :

Hôm nay, vào giờ... ngày ... tháng năm

Chúng tôi gồm:

- Ông /Bà :- đại diện kế toán.
- Ông/ Bà :- đại diện thủ quỹ.
- Ông/ Bà:..... - đại diện Giám đốc.

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt như sau :

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo quỹ		x
II	Số kiểm kê thực tế	x	x
1	Trong đó: - Loại 500.000	x	
2	-Loại 200.000
3	-Loại 100.000
4	-Loại 50.000
5	-Loại
III	Chênh lệch (III =I – II)		0

- Lý do :

+ Thừa :.....

+ Thiếu :.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Người ghi sổ
 (kí,ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (kí,ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm
 Giám đốc
 (kí,ghi rõ họ tên)

❖ Về việc sử dụng phần mềm kế toán.

Để góp phần hiện đại hóa công tác kế toán cũng như góp phần nâng cao nhất lượng công tác quản lý đồng thời tiết kiệm thời gian và công sức lao động của nhân viên phòng kế toán, giải phóng kế toán khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhằm chận để có nhiều thời gian lao động thực sự sang tạo, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán tại công ty để việc hạch toán được thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất.

Nâng cao hiệu quả: Phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp cho dù doanh nghiệp đó là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này.

Tiết kiệm chi phí: Một lợi ích cơ bản của một phần mềm kế toán là nó sẽ giảm thiểu chi phí của doanh nghiệp. Tiết kiệm chi phí có nghĩa là thêm thu nhập và tăng tốc độ phát triển.

Tiết kiệm thời gian: Thời gian quản lý chính là một trong những tiêu chuẩn cho phát triển của bất kỳ doanh nghiệp nào. Một tổ chức chỉ có thể phát triển nếu nó quản lý được các chức năng của mình trong thời gian quy định. Với việc sử dụng một phần mềm kế toán doanh nghiệp chúng ta có thể hoàn toàn mong đợi việc hoàn thành công việc trong thời gian đã đề ra.

Phát triển theo công ty: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, bạn hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Tối ưu hóa quy trình của bạn: Một phần mềm kế toán sẽ giúp bạn tối ưu hóa quy trình kinh doanh của bạn để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Nó đơn giản hóa các giao dịch của bạn, bán hàng, tiền lương, doanh thu... Dễ dàng hơn để hội nhập và quản lý các giao dịch khác nhau.

Dễ dàng để bắt đầu làm việc: Hầu hết các phần mềm kế toán rất dễ dàng để cài đặt. Bạn không cần phải có chuyên môn sâu về kế toán và tài chính để sử dụng nó. Bạn có thể sử dụng với sự trợ giúp, đào tạo của các chuyên gia.

Cải thiện các quyết định: Phần mềm kế toán có thể giúp bạn cải thiện rất nhiều các quyết định trong doanh nghiệp. Điều này có được thông qua việc sử dụng các phần hành khác nhau của phần mềm. Nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh.

Ngày càng đơn giản: Hơn thế nữa các phần mềm kế toán sẽ ngày càng đơn giản hơn nữa và hỗ trợ tốt hơn nữa. Phần mềm kế toán sẽ giúp bạn có một cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh của bạn, kiểm soát một loạt các vấn đề khác nhau một cách dễ dàng.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán được sử dụng như : Misa, Sasinnova, Fast Accounting...

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng



Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Báo giá: 9.950.000 VNĐ

Phần mềm kế toán FAST

- Fast accounting (Phiên bản 10.2 R2 FULL)

Fast Accounting là dòng sản phẩm truyền thống của Fast, , Fast Accounting cho đến nay đã trải qua nhiều thế hệ khác nhau. Đây là sản phẩm phổ biến nhất đối với doanh nghiệp cũng như sinh viên chuyên ngành tài chính kế toán. Cho đến nay thì phiên bản mới nhất là Fast Accounting 10.2, Fast Accounting 10.2 có những tính năng nổi bật:

- Cập nhật chế độ tài chính, kế toán và thuế.
- Quản lý công nợ.

Fast Accounting 10.2 cho phép quản lý công nợ chi tiết đến từng khách hàng/nhà cung cấp, từng hóa đơn phải thu/phải trả và từng hợp đồng mua/bán. Việc phân bổ số tiền thanh toán cho các hóa đơn có thể thực hiện tự động hoặc trực tiếp. Cho phép xử lý giảm trừ công nợ chi tiết theo hóa đơn trong trường hợp hàng bán bị trả lại, giảm giá, chênh lệch tỷ giá, tạm ứng trước tiền hàng và các giảm trừ khác. Cho phép theo dõi chi tiết công nợ cho từng nhóm vay mượn, từng lần tạm ứng...

- Quản lý hàng tồn kho.

Fast Accounting 10.2 cho phép tính giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau: nhập trước – xuất trước, trung bình tháng, trung bình di động, đích danh. Có nhiều màn hình nhập liệu đặc thù tiện dụng cho người sử dụng như nhập xuất thẳng, nhập khẩu, nhập chi phí, hàng bán bị trả lại, xuất trả nhà cung cấp, xuất điều chuyển kho...

- Quản lý TSCĐ, CCLĐ.
- Tính giá thành sản phẩm.
- Quản lý số liệu đa tiền tệ.
- Quản lý số liệu liên năm.
- Quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở.

Fast Accounting 10.2 cho phép quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở; cho phép lên báo cáo của từng đơn vị cơ sở hoặc của toàn (tổng) công ty. Số liệu có thể được nhập ở nhiều nơi và chuyển về cho công ty mẹ.

- Tiện ích khi nhập nhiều số liệu.

Fast Accounting 10.2 cho phép khi nhập liệu có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng một thao tác kích chuột phải. Có thể xem báo cáo ngay khi đang nhập chứng từ. Cho phép lọc tìm số liệu theo bất kỳ thông tin nhập liệu nào; có thể tìm kiếm theo tên hoặc theo mã. Cho phép xem phiếu nhập khi vào phiếu xuất để tra cứu giá. Cho phép lưu và in chứng từ nhưng chưa bắt buộc chuyển vào sổ cái; việc chuyển số liệu vào sổ cái có thể thực hiện sau đó.

- Tự động hóa xử lý số liệu.

Fast Accounting 10.2 tự động phân bổ chi phí mua hàng; tự động gán giá bán tùy theo mặt hàng và khách hàng; tự động tập hợp số liệu và tạo các bút toán kết chuyển, phân bổ, tính toán chênh lệch tỷ giá cuối kỳ, tự động hạch toán các chứng từ nhập xuất kho...

- Kỹ thuật Drill – Down.

Với kỹ thuật Drill-Down (quản trị ngược) Fast Accounting 10.2 cho phép người sử dụng khi đang xem báo cáo tổng hợp chỉ bằng 1 phím có thể xem ngay số liệu chi tiết cấu thành và tiếp tục cũng chỉ bằng một phím là có thể xem tiếp đến chứng từ ban đầu. Kỹ thuật này rất thuận tiện cho cán bộ quản lý sử dụng trình khi xem số liệu báo cáo và tiện lợi cho kế toán viên và kế toán tổng hợp khi muốn kiểm tra và đối chiếu số liệu.

- Kỹ thuật Quick Report.

Bằng kỹ thuật Quick Report (báo cáo nhanh) Fast Accounting 10.2 cho phép người sử dụng dễ dàng tự tạo báo cáo theo yêu cầu bằng cách chọn các cột cần in trên màn hình xem số liệu, đổi thứ tự các cột in ra, điều chỉnh độ rộng các cột cần in, chọn phông chữ (các thao tác tương tự như trong EXCEL) và sau đó sử dụng chức năng Quick report để có báo cáo theo đúng yêu cầu.

- Tiện ích khi xem báo cáo.

Fast Accounting 10.2 cho phép lọc tìm số liệu theo bất kỳ thông tin nhập liệu nào; có thể tìm kiếm theo tên hoặc theo mã; tìm trên số liệu đã lọc ra hoặc tìm trên toàn bộ số liệu gốc. Có thay đổi kiểu xem và nhóm số liệu theo nhiều chiều khác nhau mà không phải lên báo cáo lại; cho phép sắp xếp số liệu tăng dần hoặc giảm dần theo trường bất kỳ. Có thể tính tổng của một trường bằng một nháy chuột vào chức năng tính tổng. Cho phép xem dưới dạng đồ thị các báo cáo với nhiều cột số liệu. Cho phép sửa chứng từ khi đang xem báo cáo.

- Kết xuất ra Excel và gửi e-mail kết quả báo cáo.
- Tính mềm dẻo.

Khả năng bảo mật: Fast Accounting 10.2 cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy nhập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng.

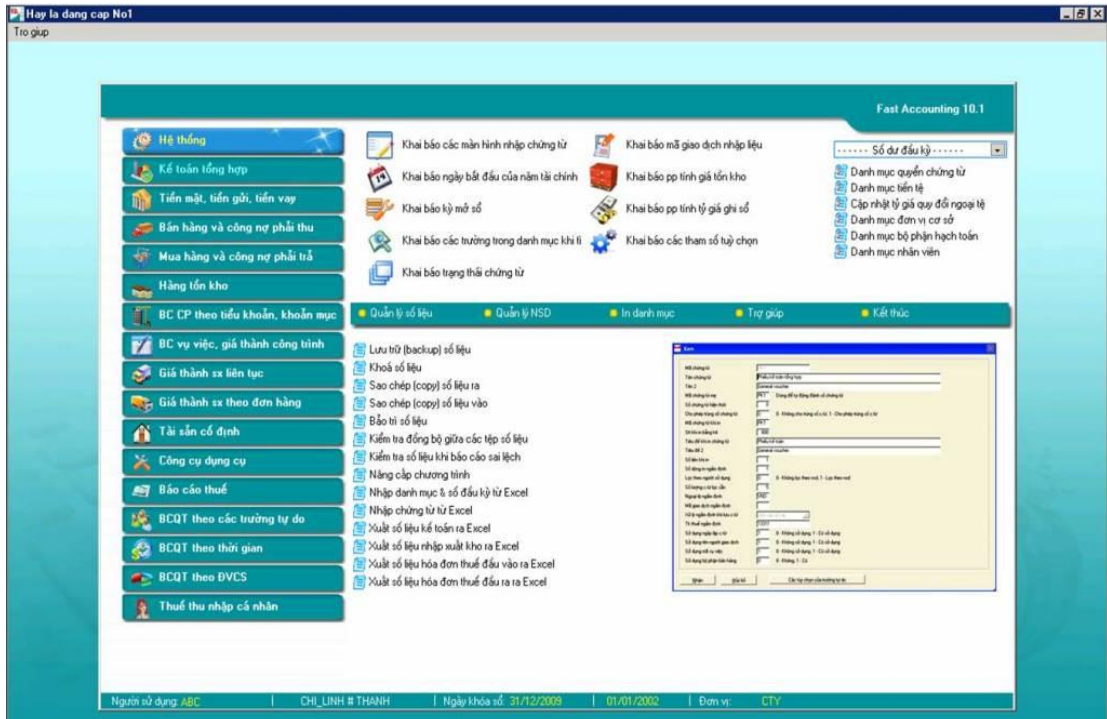
- Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh.

- Fast Business và Fast Financial.

Ngày 13 và 15-02-2012, Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Sản Phẩm (FRD) đã cho xuất xưởng 2 phiên bản Fast Business 3.3 và Fast Financial 3.3 với nhiều nâng cấp và bổ sung các tiện ích, tính năng mới.

- Nâng cấp công cụ phân tích dữ liệu trực tuyến OLAP – “Online Analytical Processing” (đã phát triển từ phiên bản Fast Business 3.2). Cụ thể: bổ sung thêm các khối dữ liệu để phân tích liên quan đến kế toán, hàng tồn kho, đơn hàng mua, đơn hàng bán; thiết kế lại giao diện sử dụng cho phép lọc, kéo thả các trường thông tin được tiện lợi hơn; Cho phép phân tích/so sánh dữ liệu các quý theo năm, các tháng theo quý, các tuần theo tháng, các ngày theo tuần...
 - Bổ sung thêm tính năng cho phép người dùng có thể nộp thuế online trực tiếp từ chương trình qua việc kết nối dữ liệu với nhà cung cấp dịch vụ thuế trực tuyến TAX24, nhằm đảm bảo dữ liệu được chuyển đến cơ quan thuế một cách nhanh chóng và bảo mật. Việc ký điện tử cho các báo cáo thuế được thực hiện trực tiếp từ chương trình đối với tính năng này;
 - Bổ sung các tiện ích trong quá trình nhập liệu, cũng như thêm các báo cáo quản trị liên quan đến qui trình mua hàng, bán hàng.
 - Bổ sung các tính năng tự động kiểm tra sai sót số liệu liên quan đến sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, hàng tồn kho, thuế.
 - Hoàn thiện chức năng tính và tạo chênh lệch tỷ giá tự động đối với các tài khoản ngoại tệ áp dụng phương pháp tính tỷ giá ghi sổ NTXT.
 - Hoàn thiện chức năng in hóa đơn trực tiếp từ chương trình theo hướng đầy đủ và chặt chẽ hơn;

Giao diện phần mềm kế toán Fast:



Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro

Giao diện:



Chức năng:

SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi bật như: Cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), Giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với chức năng “copy” chứng từ, tạo và in phiếu thu, in phiếu xuất ngay trên Hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên Hóa đơn mua hàng, chuyển các chứng từ nhập chỉ bằng 1 kích chuột, giao diện Anh-Việt, Báo cáo thuế theo Thông tư 60, Báo cáo Tài chính theo Quyết định 15 hoặc Quyết định 48, tích hợp mã vạch 2 chiều vào tờ khai thuế (không cần nhập vào phần mềm HTKK)...

Ngoài ra, phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của Bộ Tài Chính như Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, Thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, Thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2004/TT-BTC và Thông tư 120/2003/TT-BTC... Với sản phẩm này, người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

Báo giá: 10.000.000 VNĐ

Theo em công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán và đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm này có các tính năng mạnh mẽ được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt là giá cả của phần mềm này rất phải chăng so với các phần mềm kế toán trên thị trường.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vốn bằng tiền đóng vai trò quan trọng không thể phủ nhận được đối với các doanh nghiệp. Vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu số một và ngày càng trở nên bức thiết, trong đó công tác kế toán đóng một vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán vốn bằng tiền có tốt thì doanh nghiệp mới quản lý được nguồn vốn của mình và từ đó phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á là một doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nhưng Ban lãnh đạo công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền và với sự cố gắng của mình, công ty đang từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua công tác kế toán. "Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền" là một đề tài rất có ý nghĩa cả về thực tiễn và lý luận. Với sự vận dụng vào tình hình thực tế tại công ty TNHH Thương mại Đông Á, em đã trình bày về thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn Th.s Trần Thị Thanh Phương và các cán bộ công nhân viên công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này. Em mong nhận được những nhận xét của các thầy cô giáo trong khoa, cũng như của Ban lãnh đạo công ty TNHH Thương mại Đông Á để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

Hoàng Thị Minh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Giáo trình kế toán tài chính trong các Doanh nghiệp – GS.T. Đặng Thu Loan.
- 2) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – PGS.TS.Võ Văn Nhị.
- 3) Kế toán tài chính – PGS.TS.Võ Văn Nhị.
- 4) Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - PGS.TS.Nguyễn Văn Công
- 5) Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty TNHH Thương Mại Đông Á cung cấp